

HÀNH TRÌNH HƯỚNG TỚI BỀN VỮNG CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

CAM KẾT CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)

Phân tích trường hợp của mười bốn (14) ngân hàng thương mại Việt Nam 2025



HÀNH TRÌNH HƯỚNG TỚI BỀN VỮNG CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

CAM KẾT
CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)

Phân tích trường hợp của mười bốn (14) ngân hàng thương mại Việt Nam 2025



LỜI CẢM ƠN

Sáng kiến Tài chính Công bằng Việt Nam (Fair Finance Vietnam - FFV) xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các cá nhân và nhóm làm việc đã nỗ lực và tận tâm trong quá trình thực hiện đánh giá cũng như hoàn thiện báo cáo này.

Nhóm thực hiện phân tích và kiểm soát chất lượng

- Bùi Thị Thu Loan, Trưởng Khoa Tài chính, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Vũ Đình Khoa, Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Trần Thị Lan Anh, Giảng viên, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Nguyễn Thị Hồng Nhung, Giảng viên, Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Nguyễn Minh Phương, Giảng viên, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Trần Thị Hoa, Giảng viên, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Nguyễn Thị Hải Yến, Phó Trưởng khoa Tài chính, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Juliette Laplane, Cán bộ Nghiên cứu Cao cấp, Profundo, Hà Lan
- Phạm Tuyết Mai, Quản lý Dự án, Tổ chức Oxfam tại Việt Nam

Nhóm tác giả báo cáo

- Nguyễn Thị Hồng Nga, Hiệu trưởng Trường Kinh tế, Đại học công nghiệp Hà Nội
- Bùi Thị Thu Loan, Trưởng Khoa Tài chính, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Trần Thị Lan Anh, Giảng viên, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Nguyễn Minh Phương, Giảng viên, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Vũ Huyền Trang, Giảng viên, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Nguyễn Thị Hồng Nhung, Giảng viên, Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Nguyễn Thị Hải Yến, Phó Trưởng khoa Tài chính, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nhóm điều phối thực hiện

- Kiều Xuân Thực, Giám đốc Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Nguyễn Thị Hồng Nga, Hiệu trưởng Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Bùi Thị Thu Loan, Trưởng Khoa Tài chính, Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Vũ Đình Khoa, Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế, Đại học Công nghiệp Hà Nội

Ấn phẩm này là tài liệu có bản quyền. Các tổ chức và cá nhân có thể sử dụng cho mục đích phi lợi nhuận, đào tạo và nghiên cứu mà không cần xin phép. Đề nghị nêu rõ nguồn tài liệu khi trích dẫn. Cơ quan sở hữu bản quyền đề nghị các tổ chức, cá nhân thông báo về việc sử dụng ấn phẩm nhằm hỗ trợ việc đánh giá tác động của dự án. Trong trường hợp nhân bản, sử dụng trong các ấn phẩm khác, dịch hoặc chỉnh sửa, cần được sự cho phép và có thể phải trả phí. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ Bùi Thị Thu Loan, email: loanbtt@hau.edu.vn.

Gợi ý trích dẫn

Fair Finance Viet Nam (FFV, 2026). Hành trình hướng đến phát triển bền vững của ngành Ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn 2020 – 2025, Cam kết Môi trường – Xã hội – Quản trị, Phân tích trường hợp mười bốn ngân hàng thương mại Việt Nam.

Báo cáo này là một trong những sản phẩm của Sáng kiến Tài chính Công bằng Việt Nam (FFV). Báo cáo do nhóm đánh giá thực hiện; và các nội dung trong báo cáo không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức tham gia FFV.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	5
MỤC LỤC.....	7
DANH MỤC BẢNG BIỂU	8
BẢNG CHỮ VIẾT TẮT	9
TÓM TẮT	12
Phần 1: BỐI CẢNH MỚI CỦA ESG NĂM 2025: TỪ TỰ NGUYỆN ĐẾN TUÂN THỦ VÀ THỰC THI.....	14
1.1. Bối cảnh quốc tế về ESG giai đoạn 2020 – 2025	16
1.2. Bối cảnh ESG tại Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025	16
Phần 2: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ NHỮNG ĐIỀU CHỈNH TRONG ĐÁNH GIÁ.....	22
2.1. Cách tiếp cận và tài liệu sử dụng trong đánh giá	24
2.2. Cấu trúc các chủ đề đánh giá cam kết chính sách ESG của các NHTM	24
2.3. Bộ công cụ phân tích và danh sách các NHTM tham gia.....	25
2.4. Quy trình đánh giá và hạn chế của phương pháp	27
Phần 3: PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI – QUẢN TRỊ (ESG) TẠI 14 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM	28
3.1. Bức tranh tổng thể tiến trình cam kết ESG tại các NHTM Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025	30
3.2. Phân tích cam kết chính sách ESG theo ba trụ cột.....	32
3.2.1. Yếu tố Môi trường (E).....	32
3.2.2. Yếu tố Xã hội (S).....	38
3.2.3 Yếu tố Quản trị (G)	45
Phần 4: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	52
4.1. Kết luận.....	54
4.2. Khuyến nghị	55
4.2.1. Đối với các NHTM	55
4.2.2 Đối với Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ban ngành liên quan	56
Tài liệu tham khảo	58



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Một số chính sách điển hình trong khung pháp lý ESG	17
Bảng 2.1. Danh sách các chủ đề phân tích cam kết ESG của các NHTM Việt Nam	24
Bảng 2.2. Danh sách các NHTM trong lần đánh giá năm 2025	26
Biểu đồ 3.1. Cam kết ESG giai đoạn 2020 – 2025.....	30
Biểu đồ 3.2. Dư nợ và tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh (2015 – 2025)	30
Biểu đồ 3.3. Điểm cam kết ESG của các NHTM năm 2020	31
Biểu đồ 3.4. Điểm cam kết ESG của các NHTM năm 2025	31
Biểu đồ 3.5. Cam kết chính sách ESG theo từng yếu tố năm 2025	31
Biểu đồ 3.6. Cam kết chính sách ESG theo từng yếu tố giai đoạn 2020 – 2025	31
Biểu đồ 3.7. Cam kết chính sách Môi trường (E) của 14 NHTM năm 2025.....	32
Biểu đồ 3.8. Cam kết Biến đổi khí hậu năm 2025.....	33
Biểu đồ 3.9. Cam kết Đa dạng sinh học năm 2025.....	35
Biểu đồ 3.10. Cam kết chính sách Thiên nhiên 2020 – 2025	35
Biểu đồ 3.11. Cam kết chính sách Sản xuất điện năm 2025	36
Biểu đồ 3.12. Cam kết chính sách Sản xuất điện giai đoạn 2020 – 2025.....	36
Biểu đồ 3.13. Cam kết chính sách Xã hội (S) năm 2025	38
Biểu đồ 3.14. Cam kết chính sách Xã hội giai đoạn 2020 – 2025	38
Biểu đồ 3.15. Cam kết chính sách Tài chính toàn diện của 14 NHTM năm 2025	39
Biểu đồ 3.16. Cam kết chính sách chủ đề Quyền con người và Quyền lao động năm 2025	41
Biểu đồ 3.17. Cam kết chính sách chủ đề Quyền con người và Quyền lao động giai đoạn 2020 – 2025	41
Biểu đồ 3.18: Cam kết chính sách Bình đẳng giới giai đoạn 2020 – 2025.....	43
Biểu đồ 3.19: Cam kết chính sách Bình đẳng giới năm 2025 của 14 NHTM	43
Biểu đồ 3.20. Cam kết chính sách Quản trị (G) năm 2025	45
Biểu đồ 3.21. Cam kết chính sách Quản trị của các NHTM giai đoạn 2020 – 2025	45
Biểu đồ 3.22. Cam kết chính sách Quản trị năm 2025.....	46
Biểu đồ 3.23. Cam kết chủ đề Minh bạch và trách nhiệm giải trình năm 2025	46
Biểu đồ 3.24. Cam kết Phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2020 – 2025.....	47
Biểu đồ 3.25. Cam kết Phòng, chống tham nhũng của các NHTM năm 2025.....	47
Biểu đồ 3.26. Cam kết chính sách Bảo vệ khách hàng (2020 – 2025)	48
Biểu đồ 3.27. 05 NHTM có cam kết chính sách Bảo vệ khách hàng cao nhất	48
Biểu đồ 3.28. Cam kết chính sách Thuế giai đoạn 2020 – 2025.....	50
Biểu đồ 3.29. Cam kết chính sách Thuế của 14 ngân hàng năm 2025.....	50
Biểu đồ 4.1. Cam kết chính sách ESG của các NHTM Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025	54

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

Agribank	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development)
ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (Asia Comercial Joint Stock Bank)
BIDV	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam)
CBAM	Cơ chế điều chỉnh biên giới Carbon (Carbon border adjustment mechanism)
CRPD	Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người Khuyết tật (Convention on the Rights of Persons with Disabilities)
CSRD	Chỉ thị Báo cáo Bền vững của Doanh nghiệp (Corporate sustainability reporting directive)
E	Yếu tố Môi trường (Environmental)
ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị (Environmental, Socical and Governance)
Eximbank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Vietnam Export Import Commercial Joint Stock - Eximbank)
ESF	Khung Môi trường Xã hội (Environmental and Social framework)
EU	Liên minh châu Âu (European Union)
EUDR	Quy định Chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EU Deforestation Regulation)
FFA	Tài chính Công bằng châu Á (Fair Finance Asia)
FFGI	Hướng dẫn Tài chính Công bằng Quốc tế (Fair Finance Guide International)
FFV	Sáng kiến Tài chính Công bằng Việt Nam (Fair Finance Vietnam)
G	Yếu tố Quản trị (Governance)
GRI	Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative)
HDBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank)
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế (International Finance Corporation)
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế (International Labor Organization)

IFRS S1	Chuẩn mực công bố thông tin Tài chính liên quan đến Phát triển bền vững (International Financial Reporting Standard S1: General Requirements for Disclosure of Sustainability-related Financial Information)
IFRS S2	Chuẩn mực báo cáo Tài chính bền vững quốc tế về công bố thông tin liên quan đến Khí hậu (International Financial Reporting Standard S2: Climate-related Disclosures)
LPBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank)
MBBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Military Commercial Joint Stock Bank)
MSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải (Maritime Commercial Joint Stock Bank)
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
BCPTBV	Báo cáo Phát triển Bền vững
MSMEs	Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (Micro-, Small and Medium-sized Enterprises)
S	Yếu tố Xã hội (Social)
SeABank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (Southeast Asia Comercial Joint Stock Bank)
Techcombank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Viet Nam Technological and Commercial Joint Stock Bank)
VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (Vietnam International Commercial Joint Stock Bank)
Vietcombank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam)
Vietinbank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietnam Joint Stock Commercial Bank of Industry and Trade)
VPBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (Vietnam Prosperity Commercial Joint Stock Bank)





TÓM TẮT

Giai đoạn sau đại dịch COVID-19, hệ thống tài chính toàn cầu đã chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng phát triển bền vững. Cùng với sự gia tăng nhanh chóng của dòng vốn đầu tư có trách nhiệm, các quốc gia và tổ chức quốc tế đã từng bước thể chế hóa các yêu cầu về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) thông qua các quy định về công bố thông tin bền vững, quản trị rủi ro khí hậu và môi trường, quản trị doanh nghiệp cũng như trách nhiệm của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị. Vì vậy, cam kết và thực hành ESG đã chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu mang tính tự nguyện sang yêu cầu tuân thủ đối với các doanh nghiệp và tổ chức tài chính.

Tại Việt Nam, giai đoạn 2020 – 2025 cũng chứng kiến những bước chuyển biến mới trong quá trình thể chế hóa ESG và mức độ công bố thông tin ESG tại khu vực các ngân hàng thương mại (NHTM). Từ các định hướng về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, Việt Nam đã từng bước hình thành khuôn khổ pháp lý và các công cụ thực thi như quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, công bố thông tin bền vững và công bố danh mục phân loại xanh. Năm 2025 cũng đánh dấu lần đầu tiên tiêu chuẩn ESG được đề cập trong Nghị quyết của Bộ chính trị góp phần tạo ra những yêu cầu mới đối với hoạt động quản trị và cấp tín dụng của hệ thống NHTM.

Trong bối cảnh đó, báo cáo “Hành trình hướng tới bền vững của ngành ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn 2020 – 2025: Phân tích trường hợp của mười bốn (14) ngân hàng thương mại Việt Nam 2025” được thực hiện nhằm đánh giá mức độ cam kết chính sách ESG của 14 NHTM Việt Nam. Đây là lần thứ tư báo cáo này được thực hiện. Chính sách ESG được đánh giá gồm các quy định, cam kết chính thức và công khai của ngân hàng trong hoạt động vận hành, áp dụng đối với hoạt động cấp tín dụng, đầu tư và quản trị rủi ro. Số lượng ngân hàng được phân tích trong báo cáo lần này nhiều hơn so với số lượng các NHTM tham gia trong ba lần báo cáo trước đó. Báo cáo lần thứ ba năm 2024 được thực hiện với 13 NHTM; Báo cáo lần thứ hai năm 2022 được thực hiện với 11 NHTM; và Báo cáo lần đầu tiên vào năm 2020 được thực hiện với 10 NHTM.

Nhìn chung, trên hành trình hướng đến bền vững, các cam kết chính sách công khai về ESG của các NHTM ở Việt Nam đã có những bước tiến cải thiện tích cực so với năm 2020 – thời điểm công bố báo cáo lần đầu tiên. Song, so với lần công bố thứ ba vào năm 2024, những bước tiến này đang thể hiện sự thiếu chắc chắn, thiếu tính bứt phá, đặc biệt ở yếu tố E và yếu tố G. Những cam kết ESG của NHTM đang dựa trên cách tiếp cận ứng phó với rủi ro ESG, trong khi đó, với vai trò của mình, NHTM hoàn toàn có thể tạo ra những tác động tích cực về ESG thông qua công bố những chính sách về ESG áp dụng với khách hàng vay vốn. Do vậy, trong những năm tiếp theo trên hành trình này, các NHTM cần có sự kiên định, phát huy vai trò cấp vốn để tiến bước mạnh mẽ và nhanh hơn nữa.



Yếu tố Môi trường (E): Không có thay đổi so với năm 2024, song có sự cải thiện tích cực so với năm 2020 và năm 2022. So với năm 2024, điểm công bố chủ đề Biến đổi khí hậu vẫn không có sự thay đổi, điểm công bố chủ đề Đa dạng sinh học thấp hơn, và điểm công bố chủ đề Sản xuất điện cao hơn. Số lượng NHTM có những cam kết liên quan đến chủ đề Biến đổi khí hậu và Đa dạng sinh học tăng lên, trong khi điểm cam kết về chủ đề Sản xuất điện tăng nhẹ vào năm 2025.



Yếu tố Xã hội (S): Có sự cải thiện bứt phá so với các năm 2020, 2022, và 2024. So với năm 2024, điểm công bố về chủ đề Quyền lao động vẫn không có sự thay đổi. Trong khi đó, chủ đề Quyền con người có sự thay đổi tích cực. Hai chủ đề là Bình đẳng giới và Tài chính toàn diện có sự bứt phá đáng kể với công bố tăng lên. So với năm 2024, số lượng NHTM công bố những cam kết liên quan đến các chủ đề Tài chính toàn diện, Quyền lao động, Bình đẳng giới không có sự thay đổi. Trong khi đó, số lượng NHTM công bố các cam kết về chủ đề về Quyền con người tăng lên.



Yếu tố Quản trị (G): Đây là chủ đề có sự cải thiện tích cực so với năm 2020 và năm 2022 song lại giảm so với năm 2024. Trong đó, so với năm 2024, công bố về hai chủ đề Phòng, chống tham nhũng và Cam kết thuế có sự cải thiện tích cực. Tuy vậy, công bố về hai chủ đề Minh bạch và Trách nhiệm giải trình và chủ đề Bảo vệ khách hàng lại ghi nhận sự chững lại và giảm đi. Tất cả các NHTM trong báo cáo công bố những cam kết liên quan đến các chủ đề thuộc yếu tố G vào năm 2025 (14/14 NHTM), năm 2024 (13/13 NHTM), năm 2022 (11/11 NHTM), năm 2020 (10/10 NHTM).

Về phạm vi nội dung công bố, các NHTM đã và đang tích cực và chủ động trong việc công bố các thông tin thuộc phạm vi chính sách vận hành nội bộ của mình. Một số NHTM đã bắt đầu cập nhật chính sách ESG đối với nhà cung cấp trong hoạt động mua sắm. Tuy nhiên, các cam kết chính sách ESG yêu cầu đối với khách hàng nhận vốn tín dụng và đầu tư nhìn chung vẫn còn rất mờ nhạt ở hầu hết các chủ đề thuộc ba trụ cột E, S và G.

Nhìn lại hành trình công bố cam kết ESG của các NHTM trong giai đoạn 2020 – 2025 cho thấy tính thiếu chắc chắn, thiếu bút phá, đặc biệt ở yếu tố E và yếu tố G. Do vậy, trong những năm tiếp theo trên hành trình này, những NHTM cần có sự kiên định để tiến bước mạnh mẽ và nhanh hơn nữa. Dựa trên kết quả và phân tích trong Báo cáo ***“Hành trình hướng tới bền vững của ngành ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn 2020 – 2025: Phân tích trường hợp của mười bốn (14) ngân hàng thương mại Việt Nam 2025”***, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước (NHNN), NHTM nhằm thúc đẩy những cam kết ESG theo tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế và tiệm cận tới khu vực.

© Ảnh: Nguyễn Đức Hiếu/ Oxfam

1

BỐI CẢNH MỚI CỦA ESG NĂM 2025: TỪ TỰ NGUYỆN ĐẾN TUÂN THỦ VÀ THỰC THI





1.1. Bối cảnh quốc tế về ESG giai đoạn 2020 – 2025

Đại dịch COVID-19 bùng nổ đã đặt ra yêu cầu về cách tiếp cận đầu tư mới, phi truyền thống như đầu tư có trách nhiệm. Cùng với đó là những cuộc tranh luận của công chúng về các yếu tố phi tài chính như môi trường, quyền lao động trong hoạt động kinh doanh, đầu tư. Dòng vốn đầu tư vào các quỹ bền vững tăng từ 20 tỷ đô la trong quý 1 năm 2018 lên 80 tỷ đô la trong quý 3 năm 2020 (Gerber et al., 2021). Một số nhà đầu tư cho rằng sự tăng trưởng trong đầu tư vào những quỹ này không chỉ phản ánh sự quan tâm đến bền vững, mà còn là ‘một chính sách’ tài chính tốt (Forbes, 2020). Với sự quan tâm của công chúng và các bên liên quan về kinh doanh có trách nhiệm, nhiều doanh nghiệp đã áp dụng những sáng kiến về công bố ESG trong báo cáo bền vững của mình. Tính đến năm 2022, có trên 10 sáng kiến hướng dẫn báo cáo về ESG cho tổ chức tài chính, các công ty (Darnall et al., 2022). Trong số đó, năm sáng kiến quốc tế thường được các công ty sử dụng rộng rãi bao gồm: Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI), Hội đồng Tiêu chuẩn Kế toán Bền vững (SASB), Dự án Công bố Carbon, Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế và Hội đồng Tiêu chuẩn Công bố Carbon (KPMG, 2020).

Năm 2022 – 2023 được xem là giai đoạn mà các chính sách ESG toàn cầu được ban hành nhiều nhất. Bên cạnh những sáng kiến về công bố thông tin ESG mang tính tự nguyện như đã kể trên, công bố thông tin ESG đã là đòi hỏi bắt buộc với yêu cầu chặt chẽ, cụ thể và mở rộng hơn, như áp dụng trong chuỗi giá trị, tại nhiều nền kinh tế. Vào năm 2022, chính phủ Vương quốc Anh yêu cầu những công ty lớn nhất của Anh và các định chế tài chính phải công bố thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu phù hợp với những khuyến nghị từ nhóm làm việc về Công bố thông tin tài

chính liên quan đến khí hậu (TFCD) (UK Government, 2021). Chỉ thị Báo cáo Bền vững của Doanh nghiệp (CSRD) (chỉ thị số 2022/2464) (European Parliament & Council of the European Union, 2022) được Liên minh châu Âu ban hành năm 2022 yêu cầu các doanh nghiệp lớn niêm yết, tổ chức tài chính công bố thông tin về rủi ro và cơ hội liên quan đến yếu tố Môi trường và xã hội tác động đến doanh nghiệp và những tác động trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đối với con người và môi trường. Những thông tin phi tài chính công bố không chỉ liên quan đến hoạt động riêng của doanh nghiệp mà còn cả mối quan hệ kinh doanh trong chuỗi giá trị (trên và dưới), không giới hạn chỉ là mối quan hệ kinh doanh theo hợp đồng (EFRAG, 2024). Vào năm 2024, Ủy ban Giao dịch và Chứng khoán Hoa Kỳ đã thông qua những quy tắc nhằm tăng cường và tiêu chuẩn hoá việc công bố thông tin liên quan đến khí hậu của các công ty đại chúng dựa trên những yêu cầu của nhà đầu tư về ảnh hưởng rủi ro khí hậu về tài chính (U.S. Securities and Exchange Commission, 2024).

Năm 2025, mặc dù có một số quan điểm chưa nhất quán về vai trò của ESG, tuy nhiên các hoạt động cơ bản trong chính sách ESG vẫn được quan tâm, chính sách ESG gắn với chiến lược cốt lõi, đặc biệt trong quản lý tài nguyên, công bằng và công nghệ. Trong lĩnh vực ngân hàng, đây cũng là năm mà ủy ban Basel về giám sát ngân hàng cũng cung cấp một khuôn khổ cho việc công bố tự nguyện về các rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu (Basel Committee on Banking Supervision, 2024) mang ý nghĩa định hướng lớn cho hệ thống các NHTM toàn cầu. Tài liệu này hướng dẫn các NHTM công bố cụ thể các thông tin về nhận diện, đo lường, quản trị và báo cáo các rủi ro chính có thể phát sinh từ biến đổi khí hậu.

1.2. Bối cảnh ESG tại Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025

Cam kết Net Zero của Chính phủ Việt Nam tại COP 26 (2021) là dấu mốc quan trọng chuyển sự quan tâm chú ý của các tác nhân trong nền kinh tế đến ESG. Tuy nhiên tại thời điểm này, ESG vẫn là những khái niệm tương đối mới, chưa thực sự lan tỏa rộng ở cấp độ doanh nghiệp và các định chế tài chính. Mặc dù các NHTM Việt Nam được xem là khu vực dẫn đầu xu hướng này nhưng các cam kết chính sách ESG mới ở những bước ban đầu của tiến trình hướng đến mục tiêu bền vững. Điểm đánh giá cam kết chính sách ESG của các NHTM Việt Nam thấp nhất trong số sáu quốc gia trong khu vực có công bố báo cáo đánh giá chính sách ESG của các định chế tài chính trong khuôn khổ Tài chính Công bằng châu Á (Bùi Thị Thu Loan et al., 2022). Nhưng rất nhanh

chóng ngay sau đó, thuật ngữ ESG đã trở nên phổ biến và nhận được nhiều sự quan tâm chú ý từ các nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý. Bắt đầu từ những văn bản mới chỉ mang tính định hướng chiến lược và nguyên tắc chung cho ESG như Đề án Ngân hàng xanh (2018), Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (2021), giai đoạn 2020 - 2024 đã hình thành khuôn khổ pháp lý cụ thể hóa cho các nội dung chính sách ESG trong vận hành, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng. Trước đó, những yêu cầu về công bố thông tin về ESG đối với các công ty niêm yết đã được đề cập từ năm 2020 trong thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Bộ Tài chính, 2020). Năm 2022, NHNN ban hành Thông

tư 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với quan điểm rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng là rủi ro tín dụng của ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước, 2022). Thông tư 17/2022/TT-NHNN đã góp phần đưa ESG vào quy trình tín dụng. Trong giai đoạn này, các nguyên tắc ESG đã được thể chế hóa thông qua việc đưa vào hệ thống khung pháp lý các quy định bắt buộc, thiết lập cơ chế giám sát, đánh dấu sự chuyển dịch từ cách tiếp cận tự nguyện sang cách tiếp cận mang tính ràng buộc và tích hợp vào các quy trình quản trị rủi ro. Cùng với đó, cam kết chính sách ESG của các NHTM trong giai đoạn này cũng đã thể hiện các bước tiến mới với lượng thông tin về các cam kết ESG được công bố nhiều hơn. Một số NHTM đã lần đầu tiên phát hành báo cáo bền vững độc lập và danh mục loại trừ tín dụng (Bùi Thị Thu Loan et al., 2024).

Đặc biệt trong năm 2025, những yêu cầu liên quan đến ESG cũng đã xuất hiện trong các chính sách và định hướng phát triển, đặc biệt trong năm 2025. Lần đầu tiên thuật ngữ “khung ESG” được đề cập trong văn bản thể hiện tính cam kết chính trị cao nhất là Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Theo đó, “đẩy mạnh phát triển tín dụng xanh; Nhà nước có cơ chế hỗ trợ lãi suất, cho doanh nghiệp tư nhân vay

để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG)” (Bộ Chính trị, 2025). Để hiện thực hoá định hướng này, vào tháng 11/2025, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu NHNN và Bộ Tài chính trình Chính phủ Nghị định hướng dẫn chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp áp dụng khung tiêu chuẩn ESG thông qua các NHTM.¹ Cũng trong năm 2025, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh. Danh mục này giúp các NHTM có căn cứ để cấp tín dụng xanh (Thủ tướng Chính phủ, 2025).

Năm 2025, với việc ban hành Danh mục phân loại xanh đã đánh dấu bước chuyển quan trọng trong thể chế hóa ESG tại Việt Nam. Danh mục phân loại xanh đã tạo ra công cụ kỹ thuật để phân loại và chuẩn hóa hoạt động kinh tế xanh. Với chuẩn phân loại thống nhất sẽ giúp việc đánh giá ESG tại Việt Nam trong các hoạt động tín dụng xanh và tài chính bền vững tiệm cận với chuẩn khu vực và quốc tế, hỗ trợ các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu Cơ chế điều chỉnh biên giới Carbon (CBAM) và Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR²). Đối với các NHTM, danh mục xanh là cơ sở để các NHTM phân loại danh mục tín dụng dựa trên dữ liệu định lượng đồng thời là cơ sở để các NHTM phát hành trái phiếu xanh và các công cụ tài chính bền vững.

Bảng 1.1. Một số chính sách điển hình trong khung pháp lý ESG

MÔI TRƯỜNG 	
Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Khung pháp lý về quản lý môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, quản lý chất thải.
Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12	Quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chính sách, biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
Luật Tài nguyên nước 2023 số 28/2023/QH15	Quy định về quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
Quyết định 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030.

1 Theo thông tin từ Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (Báo Chính phủ phát hành ngày 12/11/2025), một dự thảo Nghị định về gói hỗ trợ lãi suất 2% dành riêng cho các doanh nghiệp vay vốn thực hiện dự án xanh đã được lên lộ trình trình lên Chính phủ. Chi tiết xem tại: <https://baochinhphu.vn/thang-11-2025-trinh-chinh-phu-nghi-dinh-ho-tro-lai-suot-2-cho-doanh-nghiep-vay-von-thuc-hien-du-an-xanh-102251112101248626.htm>

2 Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu yêu cầu chứng minh sản phẩm không gây mất rừng sau ngày 31/12/2020. Doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống dữ liệu, bản đồ vùng trồng (tọa độ GPS) và quản lý chuỗi cung ứng minh bạch để xuất khẩu sang EU từ năm 2025 với các ngành hàng Gia súc, ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành, gỗ và một số sản phẩm có nguồn gốc từ các hàng hóa nêu trên.

Quyết định 896/2022/TTg - Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến 2050	Định hướng mục tiêu và nhiệm vụ giảm phát thải và thích ứng theo lộ trình đến 2050.
Quyết định 13/2024/QĐ-TTg (13/8/2024, hiệu lực 01/10/2024)	Ban hành Danh mục cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính, quy định trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo lĩnh vực.
Thông tư 17/2022/TT-NHNN	Yêu cầu TCTD đánh giá rủi ro môi trường của dự án đầu tư trong hoạt động cấp tín dụng; gắn rủi ro môi trường với rủi ro tín dụng và điều kiện cấp tín dụng.
Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025	Phê duyệt Đề án thành lập và phát triển thị trường carbon tại Việt Nam.
Quyết định 21/2025/QĐ-TTg	Ban hành Danh mục phân loại xanh.
XÃ HỘI 	
Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14	Quy định tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lý nhà nước về lao động.
Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15	Quy định về quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với bảo hiểm xã hội và tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội; trợ cấp hưu trí xã hội; đăng ký tham gia và quản lý thu, đóng bảo hiểm xã hội; các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện; quỹ bảo hiểm xã hội; bảo hiểm hưu trí bổ sung; khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về bảo hiểm xã hội; quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội.
Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11	Quy định nguyên tắc bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện bình đẳng giới.
Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12	Quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm an toàn thực phẩm; điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, sản xuất, kinh doanh thực phẩm và nhập khẩu, xuất khẩu thực phẩm; quảng cáo, ghi nhãn thực phẩm; kiểm nghiệm thực phẩm; phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm; phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm; thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm; trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
Nghị định 145/2020/NĐ-CP	Quy định về điều kiện lao động, đối thoại tại nơi làm việc và quan hệ lao động.
Nghị định 13/2023/NĐ-CP	Quy định nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân.
Quyết định 843/QĐ-TTg (14/7/2023)	Định hướng chính sách thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm.
Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15, hiệu lực 01/7/2024	Quy định quyền và nghĩa vụ người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh; quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

QUẢN TRỊ



Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty.
Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15	Quy định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14	Quy định về phòng ngừa, phát hiện tham nhũng; xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
Thông tư 96/2020/TT-BTC Thông tư 08/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 96/2020/TT-BTC	Hướng dẫn nghĩa vụ công bố thông tin cho tổ chức niêm yết bao gồm thông tin bền vững.

Năm 2025 cũng là thời điểm đánh dấu bước chuyển quan trọng về thực hành ESG theo hướng thị trường. Quyết định 13/2024/QĐ-TTg, Việt Nam có 2.166 doanh nghiệp thuộc sáu lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và có trách nhiệm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phạm vi 1 và 2 (Thủ tướng Chính phủ, 2024). Bên cạnh đó, đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA – European Union – Vietnam Free Trade Agreement) yêu cầu các Cam kết về lao động, môi trường, hướng tới tiêu chuẩn cao hơn; CBAM áp dụng với các doanh nghiệp xuất khẩu sang Liên minh châu Âu (EU), đặc biệt các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực có phát thải cao như thép, xi măng, nhôm, phân bón, điện năng và mở rộng CBAM sang các lĩnh vực khác từ năm 2030 như dệt may, hàng tiêu dùng,... Theo đó, từ ngày 1/1/2026, các doanh nghiệp nhập khẩu vào EU phải mua chứng chỉ CBAM tương đương với lượng khí thải carbon của sản phẩm được thực hiện³. CBAM ảnh hưởng không chỉ tới nhà sản xuất trực tiếp mà cả chuỗi cung ứng nguyên liệu cho các công ty xuất khẩu vào thị trường EU. EUDR ảnh hưởng đến nhóm hàng gỗ, cao su và cà phê của Việt Nam liên quan đến yêu cầu chứng minh sản phẩm không gây mất rừng dựa trên hệ thống dữ liệu, bản đồ vùng trồng (tọa độ GPS) và quản lý chuỗi cung ứng minh bạch để xuất khẩu sang EU từ năm 2025. Trong bối cảnh các doanh nghiệp Việt Nam hiện vẫn dựa chủ yếu vào vốn tín dụng ngân hàng, các NHTM cũng cần phải định vị lại các yêu cầu về ESG đối với cả

hoạt động vận hành của NHTM và hoạt động tín dụng và đầu tư như một chức năng quản lý rủi ro tín dụng cốt lõi để có thể tránh các rủi ro ESG tiềm ẩn tạo ra từ phía các doanh nghiệp vay vốn.

Mặc dù Việt Nam cập nhật ESG muộn hơn so với các nước phát triển, song đã có được những bước tiến quan trọng trong quá trình thể chế hóa ESG trong khoảng thời gian tương đối ngắn. Trong giai đoạn 5 năm (2020 – 2025) chính sách ESG đã chuyển từ cách tiếp cận mang tính khuyến khích và định hướng chính sách sang thiết kế các công cụ dữ liệu và thị trường như kiểm kê khí nhà kính, phân loại danh mục xanh và lộ trình thị trường carbon. Tuy nhiên, hiện tại quá trình cam kết và thực thi ESG dựa trên dữ liệu và cơ chế thị trường vẫn cần các hướng dẫn thực thi, công cụ đo lường và cơ chế khuyến khích và chia sẻ rủi ro trong thực hành ESG để tiến trình này mang tính hiệu quả.

Định hình vai trò mới của các NHTM và các định chế tài chính trong việc thúc đẩy cam kết chính sách và thực thi ESG

Với vai trò dẫn dắt và hướng dòng vốn nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, hệ thống NHTM và các định chế tài chính cũng phải có những chuyển động phù hợp với xu thế và bối cảnh. Năm 2025 chứng kiến ESG đã chuyển từ giai đoạn cam kết chính sách và báo cáo tự nguyện sang thực thi dựa trên thông tin dữ liệu được chuẩn hóa. Việc triển khai các tiêu chuẩn công bố khí hậu toàn cầu, cơ

³ Mặc dù hiện tại, các doanh nghiệp vẫn theo lộ trình hạn ngạch ETS (Emission Trading Schemes) trong giai đoạn đầu chuyển đổi xanh. Tuy nhiên, từ năm 2030, nếu các doanh nghiệp vẫn chưa có các giải pháp hiệu quả về giảm phát thải Carbon cùng với năng lực báo cáo dữ liệu phát thải một cách minh bạch và chính xác, sẽ làm gia tăng chi phí lớn cho sản phẩm hoặc các rủi ro pháp lý đối với hàng hóa có nguy cơ bị từ chối nhập vào EU

chế định giá carbon, danh mục phân loại xanh và yêu cầu minh bạch chuỗi cung ứng đã tác động đến chính sách ESG của các NHTM và định chế tài chính. Trong bối cảnh mới, hệ thống NHTM không chỉ đóng vai trò là bên cung cấp vốn tín dụng và huy động vốn từ các tổ chức quốc tế, mà đã trở thành tác nhân trung tâm trong việc định hướng dòng vốn và chuẩn hóa thực hành ESG. Sự dịch chuyển này đang tái định hình vai trò của hệ thống ngân hàng trên phạm vi toàn cầu theo ba hướng: (i) Định hướng phân bổ vốn dựa trên chuẩn phân loại và tiêu chí kỹ thuật; (ii) Tích hợp ESG vào quản trị rủi ro; và (iii) Kiến tạo hệ sinh thái dữ liệu và minh bạch để đảm bảo thực thi chính sách. Các xu hướng này cũng thể hiện nhất quán về sự chuyển dịch từ yêu cầu tuân thủ sang cách tiếp cận dựa trên dữ liệu và cơ chế thị trường trong đó, hệ thống NHTM và các định chế tài chính là tác nhân chính đóng vai trò thúc đẩy chuyển đổi bền vững của nền kinh tế, yêu cầu minh bạch về phát thải tài trợ (financed emissions).

Thứ nhất, các NHTM không chỉ đóng vai trò phân bổ vốn, mà còn trở thành tác nhân quản trị rủi ro hệ thống liên quan khí hậu và ESG

Trước năm 2025, các NHTM chủ yếu tập trung vào cam kết ESG cho hoạt động vận hành nội bộ, yêu cầu cam kết Net Zero cho danh mục tài trợ, loại trừ hoặc hạn chế tài trợ than và nhiên liệu hóa thạch cũng như thiết lập khung tài chính bền vững (sustainable finance framework), cho thấy rủi ro ESG chủ yếu được xem xét theo từng dự án vay vốn độc lập nhằm đảm bảo tính tuân thủ, giảm rủi ro pháp lý và theo định hướng kinh doanh có trách nhiệm. Trong giai đoạn này, chính sách ESG của các NHTM Việt Nam phần lớn mang tính quy trình và cam kết, hướng sự quan tâm chủ yếu vào các hoạt động vận hành của ngân hàng thay vì yêu cầu cam kết ESG từ phía khách hàng. Tuy nhiên hiện nay, rủi ro khí hậu và rủi ro chuyển dịch bao gồm chính sách carbon, thuế phát thải, thay đổi công nghệ, thay đổi thị trường, rủi ro tài sản mắc kẹt ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp vay vốn, do đó ảnh hưởng đến ngân hàng. Những vấn đề này đòi hỏi NHTM cần phải đánh giá các tác động của rủi ro khí hậu và rủi ro chuyển dịch đối với khoản cấp tín dụng. Khi đó, ESG trở thành một phần của quản trị rủi ro tín dụng và quản trị danh mục cần phải quản lý được tích hợp trong chiến lược của NHTM. Xu hướng này đánh dấu bước chuyển từ ESG tuân thủ và định hướng kinh doanh có trách nhiệm sang quản trị rủi ro ESG.

Thứ hai, xu hướng tích hợp ESG vào cơ chế định giá và phân bổ vốn

Sự gia tăng của trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững và khoản vay liên kết bền vững phản ánh sự mở rộng nhanh chóng của thị trường tài chính ESG trên phạm vi toàn cầu. Theo đó, các NHTM cũng chú trọng vào các điều khoản gắn với điều kiện ESG vào hợp đồng tín dụng cũng như thực hiện các cam kết phát hành công cụ tài chính xanh. Tính đến năm 2025, Việt Nam cũng đã có bốn NHTM hoàn thành các đợt phát hành trái phiếu xanh và trái phiếu bền vững, chẳng hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đã phát hành tổng số 5.500 tỷ đồng (tương đương khoảng 220 triệu USD) trái phiếu xanh và trái phiếu bền vững theo tiêu chuẩn của thị trường vốn quốc tế⁴; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) cũng hoàn thành đợt phát hành trái phiếu xanh trị giá 5.000 tỷ đồng phục vụ mục đích tín dụng xanh.⁵ Bên cạnh đó, NHTMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HDBank) và Ngân hàng VPBank cũng đã trở thành hai NHTM Việt Nam đầu tiên phát hành thành công trái phiếu quốc tế với quy mô lần lượt là 50 triệu USD⁶ và 300 triệu USD⁷.

Nếu như trước đây chính sách ESG của các NHTM chủ yếu mới dừng lại ở cam kết, tài chính xanh chủ yếu được báo cáo như một phân khúc sản phẩm mới, song song với hoạt động truyền thống chưa thể hiện mức độ ràng buộc của cam kết nếu không đạt mục tiêu ESG hoặc mối quan hệ giữa cam kết với các chỉ tiêu chi phí vốn, khẩu vị rủi ro và cấu trúc vốn của ngân hàng.

Tuy nhiên, hiện tại xu hướng này đã được cụ thể hóa hơn trong chiến lược kinh doanh của các NHTM. Việc không đạt mục tiêu ESG có thể làm tăng chi phí vay hoặc giảm khả năng tiếp cận vốn; ngược lại, doanh nghiệp có lộ trình chuyển đổi rõ ràng có thể được ưu tiên phân bổ vốn. Do đó, các công cụ tài chính xanh không còn chỉ dừng ở cấp độ cam kết mà cần được thiết kế định lượng hơn rõ ràng hơn về yêu cầu giảm phát thải, cường độ carbon và, phù hợp danh mục phân loại xanh vì các NHTM đều xem rủi ro ESG ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí huy động, khẩu vị rủi ro và cấu trúc danh mục tín dụng của NHTM thông qua cơ chế giá mà lãi suất điều chỉnh theo hiệu quả ESG. Như vậy trong xu hướng này, ESG không chỉ tạo ra các kênh tài trợ mới mà đang định hình lại cách dòng vốn được phân bổ trong nền kinh tế mà các NHTM và định chế tài chính toàn cầu được đặt vào vị trí trung tâm của quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế phát thải thấp, thúc đẩy cam kết và thực thi ESG thông qua điều kiện tín dụng và đầu tư.

4 Xem chi tiết tại: <https://bidv.com.vn/bidv/tin-tuc/tin-ve-bidv/bidv-phat-hanh-thanh-cong-trai-phieu-ben-vung-dau-tien-tai-viet-nam>

5 Xem chi tiết tại: <https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/tin-tuc-su-kien/cac-tin-khac/tuoi-tre-agribank/trai-phieu-xanh-va-bai-toan-huy-dong-von-ben-vung-cua-agribank-ky-3-khi-thi-truong-von-gap-dong-tin-dung-xanh-cua-agribank>

6 Xem chi tiết tại: <https://hdbank.com.vn/vi/news/detail/tin-tuc/hdbank-phat-hanh-thanh-cong-100-trieu-usd-trai-phieu-xanh-quoc-te>

7 Xem chi tiết tại: <https://www.vpbank.com.vn/tin-tuc/thong-cao-bao-chi/2025/vpbank-tien-phong-phat-hanh-thanh-cong-300-trieu-usd-trai-phieu-ben-vung-quoc-te>

Hộp tham khảo 1.1. Phát hành trái phiếu xanh

Ngân hàng Agribank: Việc huy động 5.000 tỷ đồng trái phiếu phục vụ tín dụng xanh cho phép Agribank chủ động hơn trong thiết kế các gói cho vay ưu đãi, cả về lãi suất lẫn kỳ hạn. Ngân hàng có thêm một “lớp vốn” trung hạn, giúp giảm áp lực thanh khoản và nâng cao khả năng quản trị rủi ro kỳ hạn. Dài hạn, ngân hàng còn có cơ hội tiếp cận các dòng vốn xanh quốc tế với chi phí cạnh tranh hơn. Khi trái phiếu trở thành “đường ống dẫn vốn” hiệu quả, các dự án năng lượng tái tạo, lâm nghiệp bền vững và nông nghiệp xanh sẽ có thêm nguồn lực để mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả và giảm phát thải. Phân loại dự án xanh giúp các tổ chức tín dụng có cơ sở rõ ràng hơn để nhận diện dự án xanh, giảm rủi ro “tẩy xanh” và tăng mức độ tin cậy đối với nhà đầu tư trên thị trường vốn.

Nguồn: <https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/tin-tuc-su-kien/cac-tin-khac/tuoi-tre-agribank/trai-phieu-xanh-va-bai-toan-huy-dong-von-ben-vung-cua-agribank-ky-3-khi-thi-truong-von-gap-dong-tin-dung-xanh-cua-agribank>.

Thứ ba, các NHTM đóng vai trò từ công bố ESG sang dẫn dắt kiến tạo hệ sinh thái dữ liệu phục vụ thực thi ESG

Giai đoạn 2022 – 2025 đã đánh dấu bước tiến mới của các NHTM Việt Nam trong cam kết chính sách ESG với lượng công bố thông tin nhiều hơn, số lượng các NHTM công bố báo cáo bền vững độc lập và danh mục loại trừ tín dụng bao gồm hạn chế tín dụng đối với điện than đã tăng lên, tuy nhiên việc công bố thông tin ESG của các NHTM mới dừng lại ở mức độ đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan và các nhà đầu tư và giới hạn trong phạm vi hoạt động vận hành nội bộ với các dữ liệu định lượng vẫn còn nhiều hạn chế.

Theo chuẩn mực IFRS S2, các ngân hàng được yêu cầu không chỉ tham gia vào tài trợ xanh mà danh mục tài trợ cần chuyển dịch hướng đến mục tiêu trung hòa carbon thông qua công bố phát thải tài trợ (Brescia et al., 2026). Theo chuẩn mực này, dữ liệu phát thải thuộc phạm vi 1, 2 và 3 phải được tính toán, đo lường và công bố. Bên cạnh đó, từ năm 2025, khi các yêu cầu về kiểm kê phát thải, tiêu chuẩn công bố bền vững và cơ chế định giá carbon được triển khai rộng rãi, dữ liệu ESG trở thành yếu tố thiết yếu cho hoạt động kinh tế và tài chính. Do đó, các NHTM với

vai trò dẫn dắt quá trình giảm phát thải theo lộ trình thông qua tài chính cho chuyển dịch của hệ thống tài chính trong việc phân bổ vốn dòng vốn hỗ trợ quá trình chuyển đổi từ mô hình phát thải cao sang mô hình phát thải thấp/bền vững, đặc biệt trong các ngành còn khó giảm phát thải cũng sẽ đồng thời góp phần dẫn dắt kiến tạo hệ sinh thái dữ liệu ESG thay vì chỉ công bố thông tin cam kết về ESG. Xu hướng này đòi hỏi các NHTM bên cạnh chuẩn hóa dữ liệu ESG trong hoạt động vận hành nội bộ còn cần phải: (i) Thu thập và chuẩn hóa dữ liệu thông tin ESG từ phía khách hàng; (ii) Tích hợp dữ liệu ESG vào thẩm định tín dụng và giám sát sau cấp vốn cũng như công khai các điều kiện tiếp cận vốn cho tài chính bền vững liên quan đến tài chính xanh và tài chính cho chuyển đổi; và (iii) Dữ liệu và thông tin ESG cần được đánh giá độc lập bởi bên thứ ba để tăng hiệu quả thực thi ESG trong định giá rủi ro và phân bổ vốn một cách tin cậy. Như vậy, thông qua cơ chế tài chính, NHTM đóng vai trò dẫn dắt và điều phối tạo lập hệ sinh thái dữ liệu ESG từ doanh nghiệp vay vốn đến nhà đầu tư và cơ quan quản lý. Hệ thống ngân hàng tiếp tục đóng vai trò quan trọng để thực thi cam kết chính sách quốc gia về tăng trưởng xanh và giảm phát thải.

2

PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ NHỮNG ĐIỀU CHỈNH TRONG ĐÁNH GIÁ





2.1. Cách tiếp cận và tài liệu sử dụng trong đánh giá

Báo cáo phân tích chính sách cam kết ESG của các NHTM Việt Nam năm 2025 tiếp tục áp dụng phương pháp Hướng dẫn Tài chính Công bằng Quốc tế (Fair Finance Guide International – FFGI) trong phân tích nội dung, dựa trên các tiêu chí chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế và các công ước liên quan đến ESG. Do đó, nhất quán với các lần đánh giá trước đó, báo cáo ghi nhận điểm đánh giá dựa trên cam kết chính sách với các thông tin ESG được các NHTM công khai mà các bên liên quan có thể tiếp cận tại khung chính sách, quy định và cam kết chính thức mà NHTM áp dụng đối với hoạt động cấp tín dụng, đầu tư và quản trị rủi ro. Cách tiếp cận này nhằm đảm bảo tính minh bạch, tính so sánh và có thể kiểm chứng giữa các NHTM. Các tài liệu chính của NHTM được sử dụng cho lần đánh giá này gồm một hoặc nhiều tài liệu trong số các tài liệu sau:

- Báo cáo thường niên hoặc báo cáo thường niên tích hợp báo cáo bền vững năm 2024
- Báo cáo bền vững độc lập năm 2024
- Danh mục loại trừ cấp tín dụng; Chính sách đầu tư, cho vay của NHTM

- Khung trái phiếu xanh/bền vững
- Sổ tay văn hóa, bộ quy tắc ứng xử của NHTM
- Điều kiện, điều khoản, thông tin sản phẩm dịch vụ, giới thiệu và những thông tin chính thức khác được đăng tải trên website của NHTM trong giai đoạn đánh giá.

Dữ liệu sử dụng trong phân tích được ngắt đến thời điểm 30/11/2025 đối với các thông tin cập nhật mới của NHTM. Các thông tin từ các thông cáo báo chí không quá 12 tháng so với mốc thời gian chấm điểm (năm 2024). Phương pháp không sử dụng thông tin của NHTM được cung cấp bởi bên thứ ba hoặc/và thông tin nội bộ từ phía NHTM.

Trên cơ sở các tài liệu sử dụng trong đánh giá, phương pháp phân tích nội dung (content analysis) được sử dụng dựa trên những thông tin và tài liệu công khai của mỗi NHTM mà các bên liên quan có thể tiếp cận để ghi nhận điểm đánh giá cho mỗi tiêu chí dựa trên mức độ rõ ràng và phạm vi áp dụng của từng tiêu chí.

2.2. Cấu trúc các chủ đề đánh giá cam kết chính sách ESG của các NHTM

Các tiêu chí đánh giá được cấu trúc theo từng chủ đề thuộc các trụ cột Môi trường, xã hội và quản trị phù hợp với phương pháp FFGI. Trong đó phương pháp này yêu cầu tám chủ đề bắt buộc thống nhất cho tất cả các quốc gia trong Mạng lưới Tài chính Công bằng Quốc tế nhằm đảm bảo các chủ đề cốt lõi và trọng yếu cho mỗi trụ cột của ESG. Cụ thể, đối với yếu tố Môi trường (E), hai chủ đề bắt buộc là Biến đổi khí hậu và Đa dạng sinh học. Chủ đề bắt buộc thuộc trụ cột Xã hội (S) bao gồm Quyền lao động, Quyền con người và Bình đẳng giới. Ba chủ đề bắt buộc đối với yếu tố Quản trị (G) gồm Minh bạch và trách nhiệm giải trình; Thuế; và Phòng chống tham nhũng.

Ngoài các chủ đề bắt buộc, phương pháp FFGI cho phép sử dụng các chủ đề bổ sung thuộc danh mục 23 chủ đề trong phân tích và đánh giá chính sách. Theo đó, nhất quán với báo cáo năm 2020, 2022 và 2024, báo cáo năm 2025 vẫn thực hiện đánh giá bổ sung với chủ đề Sản xuất điện cho trụ cột Môi trường, chủ đề Tài chính bao trùm với trụ cột Xã hội và chủ đề Bảo vệ khách hàng đối với trụ cột Quản trị. Như vậy, báo cáo cam kết chính sách ESG của các NHTM Việt Nam năm 2025 được phân tích dựa trên điểm tổng hợp 11 chủ đề thuộc ba trụ cột Môi trường, Xã hội và Quản trị (Bảng 2.1).

Bảng 2.1. Danh sách các chủ đề phân tích cam kết ESG của các NHTM Việt Nam

Yếu tố	Chủ đề	Chủ đề bắt buộc	Chủ đề bổ sung	Số lượng tiêu chí đánh giá	Ghi chú
Môi trường	Biến đổi khí hậu	X		31	
	Đa dạng sinh học	X		16	Trước đây là chủ đề Thiên nhiên
	Sản xuất điện		X	12	

Yếu tố	Chủ đề	Chủ đề bắt buộc	Chủ đề bổ sung	Số lượng tiêu chí đánh giá	Ghi chú
Xã hội	Bình đẳng giới	X		16	
	Quyền con người	X		16	
	Quyền lao động	X		17	
	Tài chính toàn diện		X	12	
Quản trị	Chống tham nhũng	X		15	
	Minh bạch và trách nhiệm giải trình	X		23	
	Thuế	X		15	
	Bảo vệ khách hàng		X	22	

2.3. Bộ công cụ phân tích và danh sách các NHTM tham gia

Bộ công cụ và những thay đổi qua các lần đánh giá

Bộ công cụ sử dụng trong phương pháp FFGI được thiết kế gồm các tiêu chí đo lường và đánh giá chính sách cho mỗi chủ đề trong tổng số 23 chủ đề. Tương tự như các lần báo cáo của các năm 2020, 2022 và 2024, các tiêu chí đánh giá của năm 2025 cũng có một số điều chỉnh nhất định nhằm đảm bảo tính cập nhật dựa trên những đề xuất của sáng kiến Tài chính Công bằng của các quốc gia đang áp dụng bộ công cụ này. Bộ công cụ đánh giá năm 2025 cũng thực hiện thêm tiêu chí, bỏ tiêu chí và thay đổi một bộ phận nội dung của tiêu chí. Chẳng hạn, chủ đề Bình đẳng giới yêu cầu thêm các tiêu chí về cam kết chính sách chăm sóc gia đình; chủ đề Quyền lao động yêu cầu tiêu chí liên quan đến chế độ nghỉ thai sản. Một số chủ đề như: Minh bạch giải trình, Thuế, Tài chính toàn diện giảm số lượng tiêu chí đánh giá. Chủ đề Biến đổi khí hậu, các tiêu chí thay đổi liên quan đến các yêu cầu NHTM công bố phát thải tài trợ, các thông tin về phát thải thuộc phạm vi 1, 2 và 3 hay yêu cầu về việc thiết lập các mục tiêu giảm phát thải theo từng ngành cụ thể đối với lượng phát thải được tài trợ, phù hợp với mục tiêu giới hạn mức tăng nhiệt độ toàn cầu tối đa ở mức 1,5°C. Một điểm khác biệt nữa trong bộ công cụ đánh giá năm 2025 đó là chủ đề Đa dạng sinh học được thay thế cho chủ đề Thiên nhiên, với một số điều chỉnh trong tiêu chí đánh giá như về ngăn ngừa các tác động tiêu cực đến các loài thực vật và động vật có nguy cơ tuyệt chủng; không chấp nhận việc mở rộng công suất sản xuất nhựa hay giảm dấu chân nhựa tại các doanh nghiệp dầu khí, hóa chất, bao bì, thực phẩm và đồ uống, sản phẩm cá nhân và gia dụng của các doanh nghiệp do NHTM cấp vốn tín dụng hoặc/và đầu tư.

Điểm tiêu chí và chủ đề

Điểm của mỗi chủ đề tính trung bình theo các nhóm tiêu chí, đảm bảo tính đồng nhất qua các lần đánh giá. Như đã đề cập trước đó, phương pháp phân tích nội dung (content analysis) được sử dụng dựa trên những thông tin và tài liệu công khai của mỗi NHTM mà các bên liên quan có thể tiếp cận để ghi nhận điểm đánh giá cho mỗi tiêu chí dựa trên mức độ phù hợp với hướng dẫn đánh giá của bộ công cụ và phạm vi áp dụng của từng tiêu chí. Trong đó, điểm của một tiêu chí là điểm tổng hợp của điểm nội dung (content) và điểm phạm vi áp dụng cho tiêu chí (áp dụng cho toàn bộ hoạt động, dịch vụ của NHTM, hoặc chỉ áp dụng một phần như chỉ cho hoạt động tín dụng) được đánh giá và có giá trị trong khoảng (0–1 điểm). Tổng hợp điểm của tất cả các tiêu chí sẽ được tính toán thành điểm chủ đề và được hiệu chỉnh về thang đo 0–10 trong đó 10 là điểm cao nhất của một chủ đề.

Một tiêu chí nhận được một (01) điểm nếu thông tin đề cập rõ ràng và cụ thể về nội dung của tiêu chí phù hợp với tiêu chuẩn chấm điểm. Trong trường hợp nếu thông tin đề cập về tiêu chí rõ ràng nhưng không rõ phạm vi áp dụng cho hoạt động, dịch vụ nào của NHTM, điểm thường ở mức 0,5. Khi không tìm thấy thông tin công khai đề cập đến tiêu chí đó, điểm sẽ là không (0). Điều này không có nghĩa NHTM không thực hiện nội dung của tiêu chí mà hàm ý rằng chính sách hay cam kết của NHTM về nội dung này các bên liên quan chưa tiếp cận được.

Một cách thận trọng, trong quá trình thực hiện phân tích, để tránh các thông tin có thể bị bỏ sót, bộ công cụ phân tích của từng NHTM sẽ được gửi tới ngân hàng đó để lấy ý kiến phản hồi trước khi công bố kết quả cuối cùng.

Danh sách các NHTM được đánh giá chính sách

Trong lần đánh giá năm 2025, 14 NHTM được thu thập thông tin và dữ liệu cho việc đánh giá chính sách cam kết ESG. Danh sách này bao gồm 13 NHTM được thực hiện vào lần đánh giá thứ ba của

năm 2024, là các NHTM có vốn điều lệ lớn nhất⁸, hoặc/và các có hoạt động tài chính cho các dự án năng lượng, và cập nhật thêm một (01) NHTM vào danh sách phân tích chính sách là NHTMCP Quân đội (MBBank).

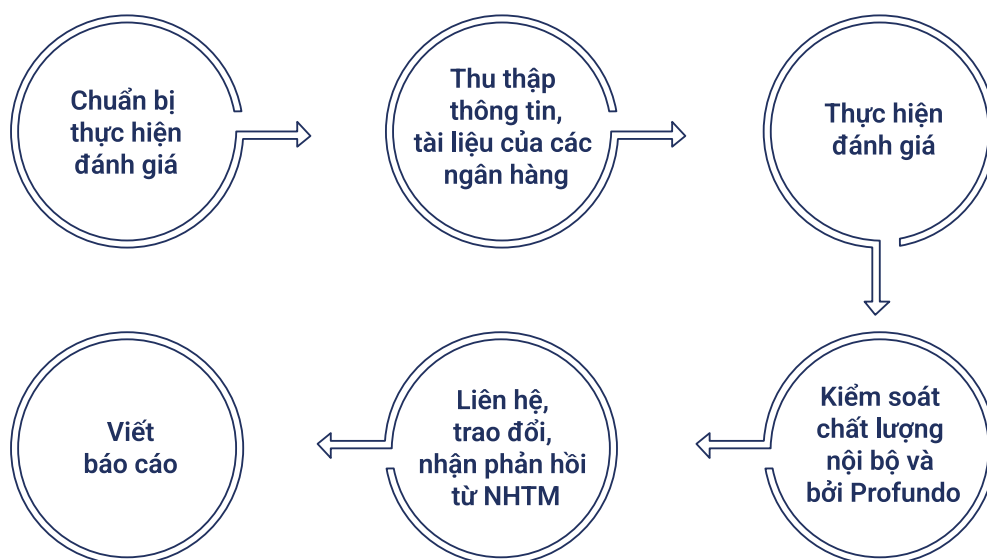
Bảng 2.2. Danh sách các NHTM trong lần đánh giá năm 2025

	Tên viết tắt	Mã CK	Tên đầy đủ
1	Agribank	-	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development)
2	ACB	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (Asia Comercial Jont Stock Bank)
3	BIDV	BID	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam)
4	EximBank	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Vietnam Export Import Commercial Joint Stock - Eximbank)
5	LPBank	LPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát (LocPhat Commercial Joint Stock Bank)
6	HDBank	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh City Development Jont Stock Comercial Bank)
7	MBBank	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Military Commercial Joint Stock Bank)
8	MSB	MSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải (Maritime Commercial Joint Stock Bank)
9	SeaBank	SSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (Southeast Asia Comercial Joint Stock Bank)
10	Techcombank	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Viet Nam Technological and Commercial Joint Stock Bank)
11	VIB	VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (Vietnam International Commercial Joint Stock Bank)
12	VietcomBank	VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam -VCB)
13	VietinBank	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietnam Joint Stock Commercial Bank of Industry and Trade)
14	VPBank	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (Vietnam Prosperity Commercial Joint Stock Bank, former name: Vietnam Commercial Joint Stock Bank for Private Enterprise)

8 Xem chi tiết tại: <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/htctctd/nh/nhtm/nhtmnn>

2.4. Quy trình đánh giá và hạn chế của phương pháp

Trong đánh giá cam kết chính sách ESG của các NHTM, quy trình đánh giá được thực hiện theo quy trình gồm sáu bước chính từ gửi thông báo về việc đánh giá chính sách đến NHTM đến thực hiện hoàn thiện các ý kiến phản biện về báo cáo.



Trong quá trình này, bảng đánh giá chính sách ESG được gửi đến tổ chức đồng phát triển phương pháp Hướng dẫn Tài chính Công bằng Quốc tế (Profundo) để hỗ trợ kỹ thuật và rà soát nội dung đánh giá. Trên cơ sở rà soát và thống nhất các nội dung cần cập nhật hoặc và điều chỉnh dựa trên các ý kiến phản biện và tham vấn từ Profundo, 14 bảng đánh giá chính sách của từng NHTM sẽ được rà soát và cập nhật lại, sau đó, các bảng đánh giá chi tiết được gửi đến từng NHTM để trao đổi và nhận phản hồi. Báo cáo này được hoàn thiện sau khi FFV nhận được những phản hồi của các NHTM tham gia đợt đánh giá này và FFV đã có những ghi nhận và rà soát tương ứng. Tuy nhiên, khi sử dụng các thông tin trên báo cáo

này, cũng lưu ý hạn chế của phương pháp FFGI như sau: Phương pháp FFGI tập trung vào phân tích chính sách công khai của NHTM. Do đó, điểm không (0) trong bộ công cụ phân tích không có nghĩa rằng NHTM không có chính sách hay không cam kết thực hiện những tiêu chí, chủ đề đánh giá. Trong trường hợp các chính sách hoặc cam kết liên quan không được công khai rộng rãi, chúng sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá theo phương pháp FFGI. Đồng thời, do phương pháp chỉ đánh giá cam kết chính sách ESG, do đó, kết quả đánh giá không nhất thiết tương đồng với việc thực hành (thực thi) ESG tại các NHTM.

3

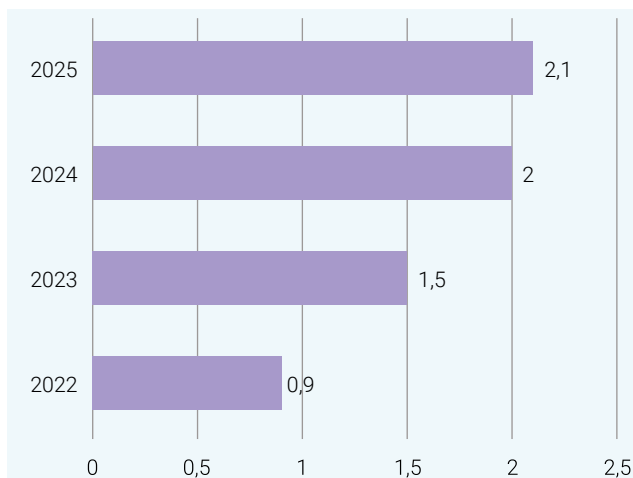
PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI – QUẢN TRỊ TẠI 14 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM



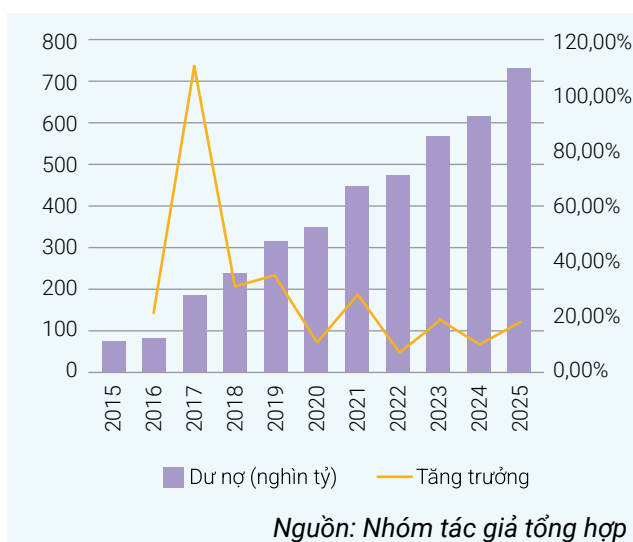


3.1. Bức tranh tổng thể tiến trình cam kết ESG tại các NHTM Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025

Giai đoạn 2020 – 2025 đánh dấu tiến trình cam kết chính sách ESG của các NHTM Việt Nam đi từ những bước ban đầu trong cuộc đua lên đỉnh vào năm 2020, đã có được những bước tiến đầu tiên ngay sau hai năm kế tiếp với việc các NHTM đã cởi mở hơn trong việc công bố các thông tin ESG. Đây là giai đoạn mà điểm ESG tăng nhiều nhất (67%). Năm 2024, cam kết chính sách ESG đã đạt được những bước tiến mới khi các NHTM không chỉ công bố thêm nhiều thông tin về ESG. Tại thời điểm này, phần lớn các NHTM đã thực sự coi việc công bố chính sách ESG là cần thiết. Một số NHTM đã tiên phong trong việc công bố danh mục loại trừ tín dụng (HDBank, Techcombank, VPBank) và báo cáo bền vững độc lập (ACB, HDBank, VPBank và MSB). Tính đến thời điểm 31/12/2025 toàn hệ thống NHTM Việt Nam có bốn NHTM công bố danh sách loại trừ trong hoạt động cấp tín dụng và sáu NHTM công bố báo cáo bền vững. Đáng chú ý, đã có bốn NHTM bao gồm ba NHTM thuộc nhóm Big4 (Vietcombank, Agribank, BIDV) và ba NHTM tư nhân là NHTMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), HDBank và NHTMCP Đông Nam Á (SeABank) đã thực hiện thành công phát hành trái phiếu xanh lần đầu tiên, bên cạnh khung trái phiếu xanh cũng công bố danh mục các dự án xanh đủ điều kiện xem xét cấp tín dụng cũng như tuân thủ nguyên tắc về tài chính bền vững của hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA) và Hiệp hội thị trường cho vay (LMA). Những bước đi ban đầu này là những tín hiệu mạnh mẽ trong thực hiện các mục tiêu cam kết ESG của các NHTM với các cam kết về mục tiêu chuyển đổi xanh. Hiện tại, dư nợ tín dụng xanh của các NHTM vẫn có sự tăng trưởng mạnh, đạt trung bình 14,6% (Biểu đồ 3.2) giai đoạn 2020 – 2025. Tuy nhiên dư nợ tín dụng xanh vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng quy mô tín dụng của nền kinh tế (khoảng 4,5%)⁹. Do đó, việc các NHTM phát hành thành công trái phiếu xanh không chỉ góp phần chuẩn hóa các tiêu chuẩn ESG, tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình mà còn là cơ sở quan trọng để các NHTM có nguồn vốn thực hiện cho vay xanh một cách hiệu quả và bền vững.



Biểu đồ 3.1. Cam kết ESG giai đoạn 2020 – 2025

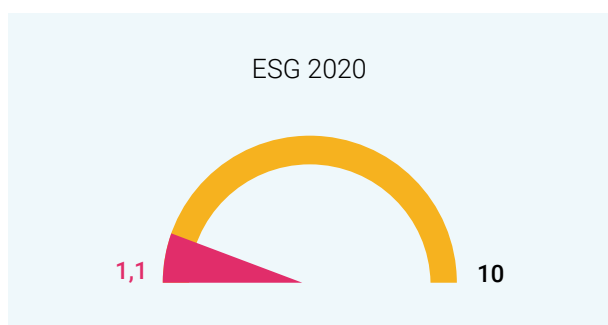


Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

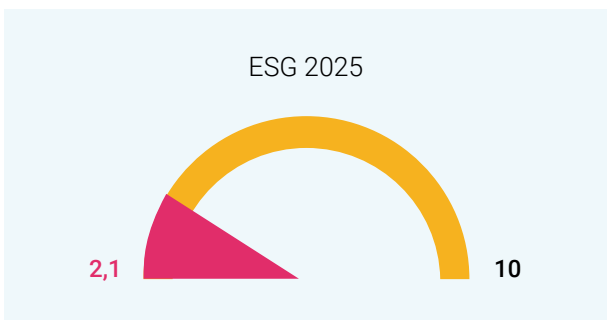
Biểu đồ 3.2. Dư nợ và tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh (2015 – 2025)

Năm 2025, điểm cam kết chính sách ESG gần như không có khác biệt đáng kể so với năm đánh giá liền kề mà bắt đầu xu hướng đi ngang mặc dù lượng thông tin cam kết chính sách ESG được công bố nhiều hơn, đặc biệt đối với yếu tố Xã hội (S). Mặc dù vậy, so với lần đánh giá lần đầu tiên trong giai đoạn 2020 – 2025, điểm cam kết ESG đã tăng gần gấp hai lần (Biểu đồ 3.3 và 3.4). Kết quả này cũng gợi ý về sự gia tăng trong nhận thức về yêu cầu công bố ESG trong hệ thống NHTM.

⁹ Xem chi tiết tại: <https://thitruongtaichinhvientien.vn/du-no-tin-dung-xanh-chiem-khoang-4-5-tong-du-no-toan-nen-kinh-te-62471.html>



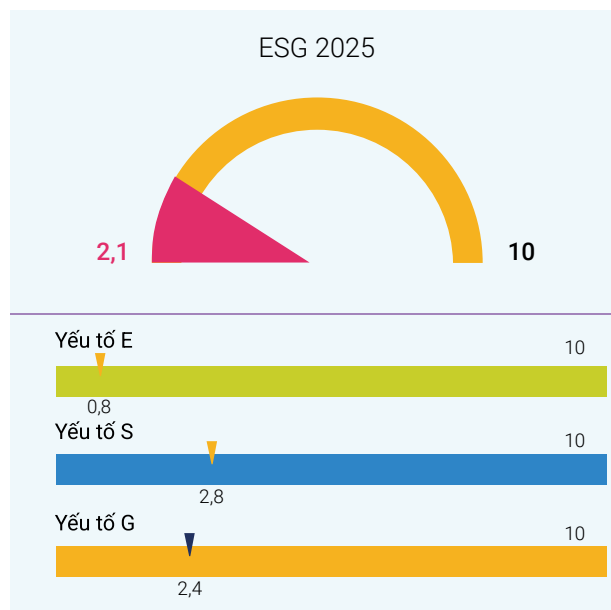
Biểu đồ 3.3. Điểm cam kết ESG của các NHTM năm 2020



Biểu đồ 3.4. Điểm cam kết ESG của các NHTM năm 2025

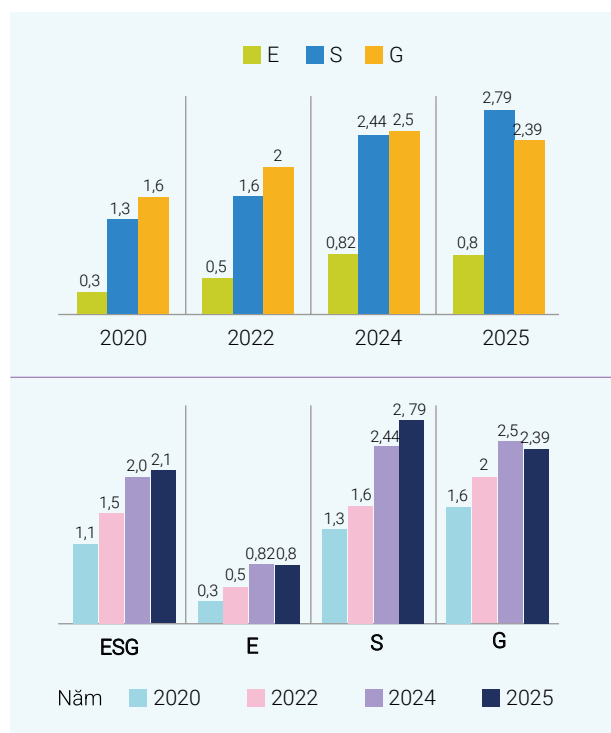
Nhìn một cách tổng thể, điểm ESG giai đoạn 2020 – 2025 có xu hướng tăng, đặc biệt giai đoạn 2020 – 2024 có xu hướng tăng mạnh hơn và có dấu hiệu chững lại vào năm 2025. Hiện trạng này không hàm ý các NHTM giảm cam kết mà yêu cầu về định lượng trong các tiêu chí đánh giá có những điều chỉnh về mục tiêu có thể đo lường được trong bộ công cụ đánh giá được cập nhật vào mỗi lần đánh giá phù hợp với các thông lệ quốc tế. Thực tế này đòi hỏi sự trưởng thành hơn trong định vị chính sách ESG của các NHTM.

Xem xét cụ thể từng yếu tố của ESG, yếu tố Xã hội (S) là yếu tố được đánh giá cao nhất trong năm 2025 (Biểu đồ 3.5), đây cũng là trụ cột duy nhất giữ được xu hướng tăng liên tục trong giai đoạn 2020 – 2025. Trong khi đó, cả hai yếu tố còn lại là Môi trường (E) và Quản trị theo thông lệ tốt (G) đều có xu hướng tăng trong giai đoạn 2020 – 2024 nhưng lại giảm nhẹ vào năm 2025.



Biểu đồ 3.5. Cam kết chính sách ESG theo từng yếu tố năm 2025

Xét về biên độ dao động điểm ESG trong cả giai đoạn thì trụ cột S cũng là trụ cột có biến động mạnh nhất với mức tăng 1,49 điểm, trong khi đó, trụ cột E và G chỉ tăng lần lượt 0,5 điểm và 0,79 điểm. Mặc dù vậy, khác với các lần đánh giá trước đây, dữ liệu tại năm báo cáo 2025 cho thấy sự khác biệt giữa các NHTM về cam kết chính sách ESG đã thu hẹp lại đáng kể. Chênh lệch về điểm đánh giá cam kết chính sách ESG giữa các nhóm NHTM không còn quá lớn.



Biểu đồ 3.6. Cam kết chính sách ESG theo từng yếu tố giai đoạn 2020 – 2025

Tuy nhiên, với điểm ESG hiện tại cho thấy các NHTM Việt Nam mới đang nỗ lực cam kết ESG theo hướng tuân thủ trước các quy định và chính sách. Trong giai đoạn tiếp theo, để có thể thể hiện sự đổi mới và bứt phá để tiến kịp với các xu hướng quốc tế về cam kết và thực thi ESG, các NHTM Việt Nam cần phải chủ

động hơn nữa trong việc xây dựng lộ trình để hiện thực hóa các cam kết ESG mà có thể tính toán và đo lường cụ thể các tiêu chí là thế mạnh của từng NHTM thay vì chỉ công bố chính sách chung chung mà các mục tiêu không được xác lập và kiểm chứng trong thực tiễn.

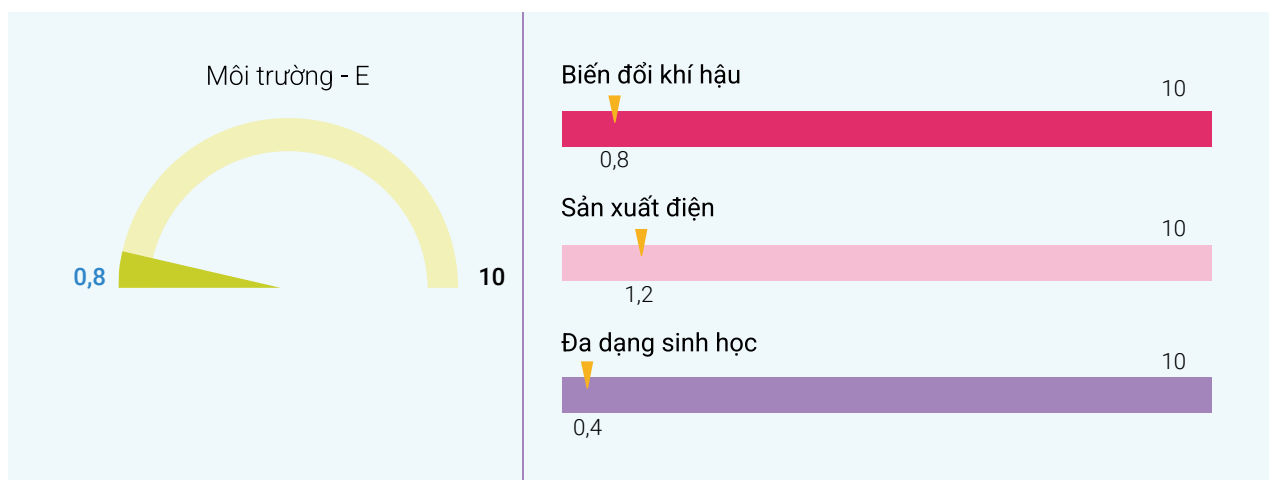
3.2. Phân tích cam kết chính sách ESG theo 3 trụ cột

3.2.1. Yếu tố Môi trường (E)

3.2.1.1. Khái quát chung về cam kết chính sách Môi trường

Cam kết chính sách Môi trường của các NHTM Việt Nam được đánh giá dựa trên ba chủ đề gồm Biến đổi khí hậu, Đa dạng sinh học và Sản xuất điện. Phần lớn các NHTM đều công bố về mục tiêu tăng trưởng xanh, đồng hành cùng chính sách Net Zero của Chính phủ và hướng dòng tài chính vào các dự án giảm phát thải nhà kính, năng lượng tái tạo. Các NHTM đều tích cực công bố thông tin bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động vận hành nội bộ như thuộc phạm vi 1 và 2 của chính các NHTM như cắt giảm năng lượng tiêu hao, sử dụng các nguyên liệu thân

thiện với môi trường trong hoạt động kinh doanh hay công bố yêu cầu quản lý rủi ro Môi trường – Xã hội trong quy trình cấp tín dụng. Tuy nhiên, các NHTM vẫn còn hạn chế trong công bố thông tin đo lường và tính toán được được tương thích với các chuẩn mực quốc tế, chẳng hạn như thông tin phát thải tài trợ hay đo lường và công bố dấu chân đa dạng trong danh mục cấp tín dụng và đầu tư. Đặc biệt, thiếu vắng các thông tin yêu cầu về chính sách Môi trường đối với khách hàng nhận tài trợ của NHTM. Do đó, hiện tại cam kết chính sách về yếu tố E của các NHTM Việt Nam vẫn ở mức thấp với 0,8 điểm. Đa dạng sinh học là tiêu chí có ít thông tin được các NHTM cam kết nhất (0,4 điểm).



Biểu đồ 3.7. Cam kết chính sách Môi trường (E) của 14 NHTM năm 2025

Yếu tố Môi trường (E): Đạt ở mức 0,8 điểm, có sự cải thiện tích cực so với năm 2020 (tăng 0,5 điểm), 2022 (tăng 0,3 điểm), nhưng không có sự cải thiện nào so với năm 2024.

Chủ đề Biến đổi khí hậu: Đạt ở mức 0,8 điểm. Có sự cải thiện tích cực so với năm 2020 (tăng 0,6 điểm), năm 2022 (tăng 0,4 điểm). Song, không có sự cải thiện so với năm 2024. Mặc dù vậy, số lượng NHTM công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 là 13 NHTM, tăng lên so với năm 2024 (8 NHTM), năm 2022 (2 NHTM) và năm 2020 (1 NHTM).

Chủ đề Đa dạng sinh học (hay chủ đề Thiên nhiên trước đây): Đạt ở mức 0,4 điểm, cải thiện so với năm 2020 (tăng 0,3 điểm) và năm 2022 (tăng 0,1 điểm) nhưng thấp hơn so với năm 2024 (giảm 0,2 điểm). Mặc dù vậy, số lượng NHTM công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 là 7 NHTM, tăng lên so với năm 2024 (2 NHTM), năm 2022 (1 NHTM) và năm 2020 (1 NHTM).

Chủ đề Sản xuất điện: Đạt ở mức 1,2 điểm, có cải thiện tích cực so với các năm 2020 (tăng 0,7 điểm), năm 2022 (tăng 0,4 điểm) và năm 2024 (tăng 0,2 điểm). Song số lượng NHTM công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 (11 NHTM) giảm đi so với năm 2024 (12 NHTM), và tăng lên so với năm 2022 (8 NHTM) và năm 2020 (7 NHTM).

3.1.1.2. Phân tích cam kết chính sách Môi trường theo từng chủ đề



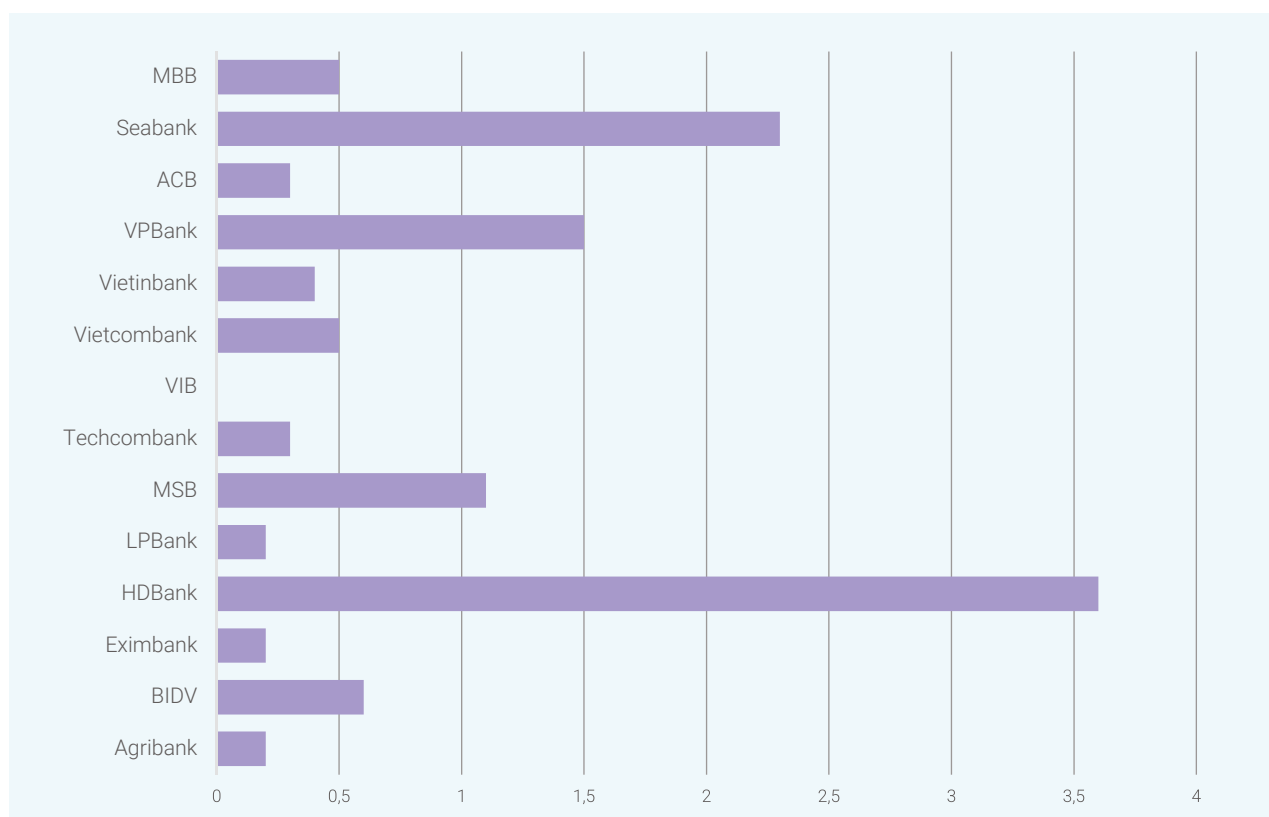
Chính sách về chủ đề Biến đổi khí hậu

Chủ đề này đánh giá chính sách ESG của các NHTM dựa trên 31 tiêu chí cụ thể, tập trung vào một số định hướng chính liên quan đến yêu cầu:

- Công bố thông tin đo lường về phát thải khí nhà kính nội bộ và được tài trợ trên cả ba phạm vi (phạm vi 1, phạm vi 2 và phạm vi 3) liên quan đến các doanh nghiệp trong danh mục cho vay và/hoặc đầu tư của ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế IFRS S2. Ngân hàng thiết lập được các mục tiêu hạn chế tăng nhiệt độ toàn cầu ở mức tối đa 1,5°C trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và theo từng ngành phát thải cao. Các cam kết này được xem là trọng tâm trong đánh giá chính sách ESG của NHTM nhằm tăng trách nhiệm giải trình trong chính sách khí hậu và nhấn mạnh vai trò của NHTM trong quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế carbon thấp;

- Đánh giá tác động đến môi trường trong đó có dữ liệu về phát thải nhà kính và những rủi ro khí hậu đối với các khoản tài trợ dự án lớn; hạn chế và tiến tới chấm dứt tài trợ cho các hoạt động khai thác và sử dụng nhiên liệu hóa thạch: sản xuất điện từ than (mỏ than nhiệt mới, nhà máy nhiệt điện than mới, và than luyện kim mở mới/mở rộng) năng lượng hóa thạch; khai thác than, dầu, và khí gas;
- Chính sách Môi trường bao gồm cả các cam kết bảo vệ rừng, đất than bùn và các hệ sinh thái có trữ lượng carbon cao nhằm ngăn ngừa phát thải từ thay đổi sử dụng đất và suy thoái thiên nhiên.

Ngoài ra, yêu cầu của chính sách Môi trường cũng đòi hỏi NHTM lồng ghép tiêu chí Biến đổi khí hậu vào quy trình và chính sách vận hành, hợp đồng với nhà thầu phụ và nhà cung cấp, đồng thời không tham gia vận động hành lang nhằm làm suy yếu chính sách về khí hậu.



Biểu đồ 3.8. Cam kết chống Biến đổi khí hậu năm 2025

Trên cơ sở các tiêu chí trên, chủ đề Biến đổi khí hậu năm 2025 có tăng nhẹ so với năm 2024, nhưng đáng chú ý là hầu hết các NHTM đều đã công bố thông tin đến chủ đề này (13/14 NHTM) phù hợp với các tiêu chí được xây dựng dựa trên những cam kết, tuyên bố, chuẩn mực và sáng kiến quốc tế so với giai đoạn

đánh giá trước đó chỉ có 1 đến 2 NHTM công bố thông tin lần lượt vào năm báo cáo 2020 và 2022. Số lượng các NHTM có tuyên bố hạn chế về tài trợ than đã tăng gấp đôi (04), và một số NHTM đã cam kết thực hiện đánh giá rủi ro Môi trường – Xã hội đối với các dự án có quy mô lớn.

Hộp 3.1. Danh sách loại trừ của các NHTM Việt Nam

NHTMCP Seabank: Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV 2024, tr.71; BCTN 2024, tr.197): Áp dụng danh sách loại trừ không tài trợ đối với các ngành/lĩnh vực có tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội “Hoạt động ngành than”

Ngân hàng Agribank: Danh sách loại trừ (Mục II, tr.2) - Hạn chế cấp tín dụng với ngành/ngành kinh doanh dự án điện than mới (trừ những dự án được phê duyệt trong Quy hoạch điện VIII) hoặc các nhà máy điện than đang hoạt động.

BIDV, BCPTBV (tr.14): Nỗ lực giảm phát thải phạm vi 3 - Cam kết triển khai ước tính sớm phát thải tài chính thông qua việc hợp tác với các tổ chức tư vấn quốc tế trong năm 2025. Tiếp tục rà soát khách hàng thuộc danh mục thực hiện kiểm kê khí thải nhà kính theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022. Tiếp tục giám sát cho vay điện than theo tầm nhìn của Chính phủ hướng tới năm 2050. Chính sách thể hiện rõ ràng với ngành than.

Năm báo cáo 2025, có 5 NHTM công bố danh mục loại trừ tín dụng (HDBank, VPBank, MSB, SeABank, Agribank). Tuy nhiên, các tuyên bố thông tin về lượng phát thải nhà kính có liên quan đến các công ty và/hoặc những lĩnh vực được NHTM đầu tư hoặc cấp vốn vẫn rất mờ nhạt. Phần lớn các NHTM chưa đưa ra được những mục tiêu có thể đo lường được tương thích với mục tiêu giữ nhiệt độ tăng của toàn cầu ở 1,5°C.

Bên cạnh đó, phần lớn các NHTM chưa công bố các chính sách yêu cầu hoặc khuyến khích các khách hàng doanh nghiệp thực hiện các cam kết về Biến đổi khí hậu. Các cam kết này có thể bao gồm công bố về lượng khí thải nhà kính, chuyển đổi sử dụng năng lượng hóa thạch sang năng lượng tái tạo, không tham gia vận động chính sách nhằm làm suy

yếu những chính sách về Môi trường, điều khoản về môi trường trong các chính sách của doanh nghiệp với nhà thầu phụ và nhà cung cấp. Đây cũng là những lý do chính mà mức độ tương thích giữa chính sách Môi trường của các NHTM Việt Nam còn hạn chế so với yêu cầu của các tiêu chí được xây dựng và cập nhật hàng năm dựa trên những cam kết, tuyên bố, chuẩn mực và sáng kiến quốc tế. Những hạn chế này đòi hỏi các chính sách về Biến đổi khí hậu cần có mục tiêu cụ thể theo ngành, lộ trình theo ngắn, trung và dài hạn, đo lường được và minh bạch thông tin công bố và cam kết về dịch chuyển nguồn vốn khỏi năng lượng hóa thạch cùng các cam kết bảo vệ thiên nhiên nhằm nhận diện cam kết của NHTM trong quá trình chuyển đổi xanh và phát triển bền vững tương thích với các mục tiêu khí hậu toàn cầu.

Hộp 3.2. Cam kết giảm phát thải nhà kính của các NHTM, mục tiêu hạn chế tăng nhiệt độ đến 1,5°C

BIDV, BCPTBV (tr.19): BIDV đang hợp tác với đối tác quốc tế để triển khai Dự án đánh giá phát thải khí nhà kính (KNK) trên cả 3 phạm vi. Dự án thiết lập các mục tiêu giảm phát thải theo chuẩn quốc tế, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng lộ trình hướng tới trở thành Ngân hàng phát thải ròng bằng “0” vào năm 2045. Kế hoạch thực hiện dự án dự kiến kéo dài 10 tháng và sẽ hoàn thành trong năm 2025.

Vietcombank, BCPTBV (tr.61-65, 2024): Vietcombank đã và đang hoàn thiện hệ thống đo lường, báo cáo phát thải KNK nhằm đánh giá chính xác tác động môi trường từ cả hoạt động vận hành lẫn danh mục tín dụng. Vietcombank đang mở rộng đánh giá phát thải KNK phạm vi 3 đối với danh mục tín dụng cấp cho khách hàng... Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, Vietcombank hướng đến xây dựng mục tiêu giảm phát thải trong danh mục tín dụng, đặc biệt đối với các ngành có mức phát thải cao.

BCPTBV (2024), tr.22, tr.82; BCTN (2024), tr.194, tr.211: SeABank đã xác định lượng phát thải trực tiếp và gián tiếp (scope 1, 2), thiết lập mục tiêu giảm định lượng (-11,4%) và cam kết Net-zero 2050 phù hợp với giới hạn 1,5°C.

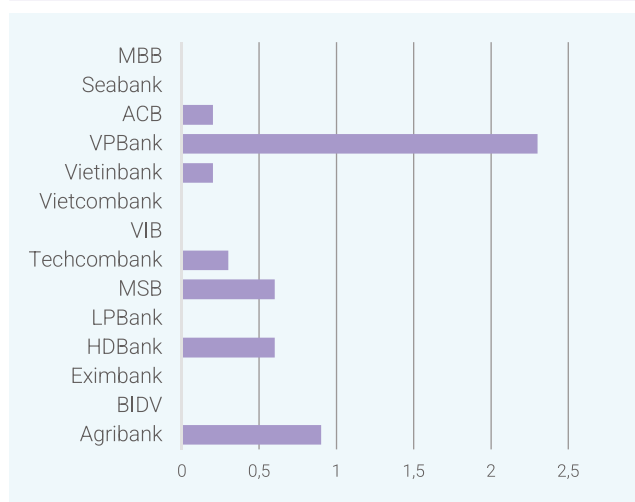


Chủ đề Đa dạng sinh học

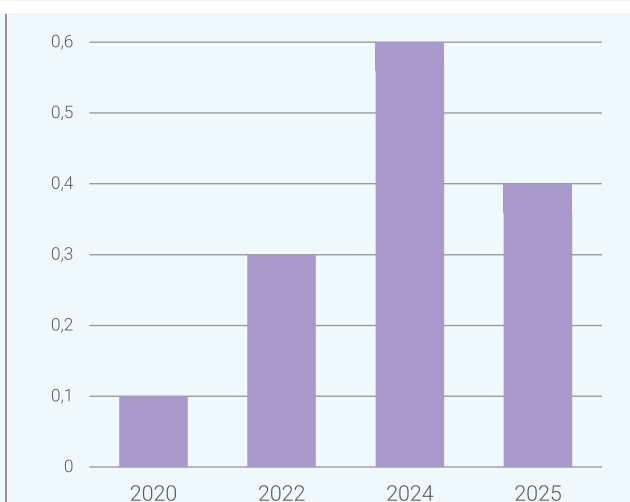
Năm 2025, chủ đề thiên nhiên được đánh giá theo các tiêu chí về Đa dạng sinh học. Nhìn chung, số lượng các NHTM có cam kết chính sách về chủ đề Đa dạng sinh học tăng nhiều so với các năm báo cáo trước đó song vẫn ở mức hạn chế. Ngân hàng VPBank, HDBank, MSB, Techcombank và Agribank là các NHTM có cam kết nhiều hơn về chính sách liên quan đến Đa dạng sinh học, Bảo vệ di sản và Môi trường sống tự nhiên.

Các NHTM chưa công bố đầy đủ thông tin đo lường và công bố dấu chân đa dạng sinh học của danh mục đầu tư của mình. Bên cạnh đó, tương tự như các lần báo cáo trước đó, các NHTM vẫn chưa có chính sách yêu cầu hoặc khuyến khích doanh nghiệp

nhận tín dụng hoặc đầu tư của NHTM cam kết về các tiêu chí thuộc chủ đề này. Các cam kết ngăn chặn các tác động tiêu cực và bảo vệ rừng thiên nhiên, bao gồm rừng nguyên sinh, đầm lầy, rừng ngập mặn, rừng nhiệt đới như được nhắc đến trong khái niệm Giá trị bảo tồn cao phát triển bởi Hội đồng quản lý rừng (HCV), ngăn ngừa tác động tiêu cực đến những khu vực cần được bảo vệ theo phân loại của IUCN theo công ước Ramsar; đến những loài cần được bảo vệ trong sách đỏ của IUCN, những di sản văn hóa thế giới UNESCO, những khu vực khan hiếm nguồn nước; ngăn chặn sự ra đời của các loài ngoại lai xâm lấn vào hệ sinh thái; đánh giá tác động của việc khan hiếm nguồn nước và ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực đến những khu vực khan hiếm nước; đánh giá tác động môi trường về toàn bộ hậu quả của một dự án quy mô lớn đối với đa dạng sinh học còn thiếu vắng trong các chính sách được các NHTM công bố công khai.



Biểu đồ 3.9. Cam kết Đa dạng sinh học năm 2025



Biểu đồ 3.10. Cam kết chính sách Thiên nhiên 2020 -2025

Trong năm 2025, một số tiêu chí cập nhật liên quan đến chính sách cam kết về việc không chấp nhận việc mở rộng công suất sản xuất nhựa cũng như giảm dấu chân nhựa trong ngành liên quan (dầu khí, hóa chất, bao bì, thực phẩm và đồ uống, sản phẩm cá nhân và gia dụng) đối với doanh nghiệp nhận tín dụng hoặc đầu tư cũng chưa được bất cứ NHTM nào

đề cập đến trong các chính sách mà các bên liên quan có thể tiếp cận. Dẫu vậy, việc 5 NHTM tuyên bố một chính sách danh sách loại trừ tín dụng liên quan đến Đa dạng sinh học cũng là những bước tiến lớn trong tiến trình cam kết ESG liên quan đến chủ đề này (Xem thêm tại Hộp tham khảo 3.3)

Hộp 3.3. Cam kết chính sách Đa dạng sinh học của NHTM

MSB, BCPTBV (tr.24, 2024): MSB cam kết không cố ý sử dụng nguồn vốn để tài trợ: Bất kỳ hoạt động nào làm thay đổi đáng kể, làm hư hại hoặc loại bỏ di sản văn hóa quan trọng, bao gồm các di sản lịch sử, xã hội và/hoặc văn hóa được quốc tế và quốc gia công nhận.

HDB, BCPTBV (tr. 39, 2024): Ngân hàng sẽ không tài trợ cho các hoạt động và dự án có tham gia đáng kể đến các ngành nghề như: • Sản xuất vũ khí • Bia rượu mạnh, thuốc lá • Buôn bán chất thải • Đánh bạc, sòng bài • Nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí tự nhiên) • Khai thác vận chuyển than đá, các dịch vụ liên quan đến than đá • Sản xuất kinh doanh nguyên liệu phóng xạ • Đánh bắt cá không bền vững • Sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức • Phân biệt chủng tộc • Phá hủy khu vực có giá trị bảo tồn cao.

Agribank, Danh mục loại trừ: Agribank không cấp tín dụng với ngành/ nghề kinh doanh buôn bán, sản xuất, chăn nuôi hoặc trồng trọt thực vật, động vật hoang dã hoặc các sản phẩm tự nhiên khác vi phạm quy định của các nước sở tại và/ hoặc công ước quốc tế CITES... Agribank không cấp tín dụng với ngành/ngành kinh doanh phá hủy các khu bảo tồn thiên nhiên và các di sản thế giới được UNESCO công nhận.

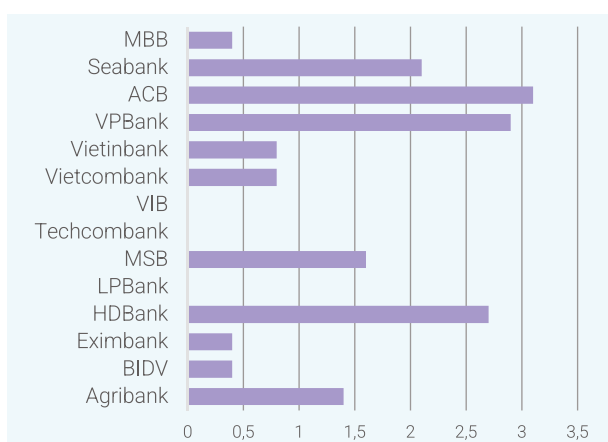
TCB - BCPTBV (tr.17, 2024): Techcombank cam kết rằng hoạt động vận hành của chúng tôi không gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học... Bằng cách tích hợp các yếu tố bền vững vào quy hoạch địa điểm và phát triển cơ sở hạ tầng, chúng tôi bảo vệ các hệ sinh thái địa phương và đóng góp tích cực vào việc bảo tồn môi trường. Sự quyết tâm trong việc bảo tồn đa dạng sinh học củng cố cam kết về phát triển bền vững của chúng tôi.

VPB - Mục II. Không cấp tín dụng đối với các hoạt động đánh bắt cá biển, ven biển bằng lưới trôi quy mô lớn và bằng lưới mắt nhỏ gây hại cho các loài dễ bị tổn thương và bảo vệ với quy mô lớn cũng như gây tổn hại đến đa dạng sinh học và môi trường sống ở biển; các dự án, phương án sản xuất kinh doanh (SXKD) động vật hoang dã hoặc các sản phẩm được quy định theo Công ước thương mại quốc tế về các loài động, thực vật hoang dã theo quy định của CITES; ngân hàng không cấp tín dụng đối với các dự án, phương án SXKD phá hủy khu vực có giá trị bảo tồn cao (bao gồm các di sản thế giới được UNESCO công nhận, khu bảo tồn cho các loài bị đe dọa theo IUCN, khu bảo tồn các vùng đất ngập nước theo Ramsar).

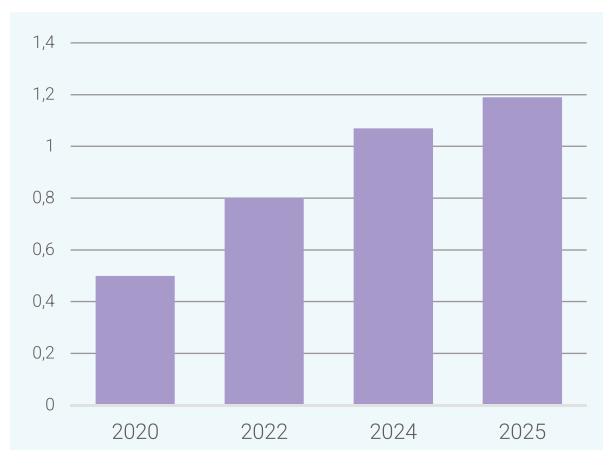


Chủ đề Sản xuất điện

Cam kết ESG của các NHTM liên quan đến chủ đề sản xuất điện có xu hướng tăng trong cả giai đoạn 2020 – 2025. Điểm chính sách năm 2025 cao gấp gần 2,5 lần so với năm báo cáo 2020. Mặc dù hiện tại vẫn còn 3 NHTM chưa có các cam kết tương thích với tiêu chuẩn đánh giá dựa trên chuẩn mực quốc tế để ghi nhận điểm, tuy nhiên, so với các kỳ báo cáo trước đó, đây vẫn là một trong những chủ đề mà hầu hết các NHTM đều có công bố thông tin. Thêm vào đó, chênh lệch điểm chính sách giữa các NHTM cũng đã không còn quá nhiều khác biệt. Trong số 14 NHTM, nhóm 6 NHTM có điểm chính sách thuộc khoảng từ [1,4 – 3,1] và có 5 NHTM có điểm chính sách thuộc khoảng [0,4 - 0,8].



Biểu đồ 3.11. Cam kết chính sách Sản xuất điện năm 2025



Biểu đồ 3.12. Cam kết chính sách Sản xuất điện giai đoạn 2020 – 2025

Với 12 tiêu chí được phân tích, các NHTM được đánh giá cao trong cam kết về chủ đề Sản xuất điện là các NHTM thể hiện cụ thể mục tiêu đo lường được nhằm tăng cường tài trợ cho phát điện từ năng lượng tái tạo, giảm tổng mức tài trợ cho phát điện từ nhiên liệu hóa thạch (thường thông qua danh mục loại trừ tín dụng hạn chế tài trợ đối với điện than). Hiện tại, điểm chính sách của các NHTM chưa được ghi nhận liên quan đến cam kết về các tiêu chí như không chấp nhận năng lượng hạt nhân, phát điện từ thủy điện quy mô lớn; Cam kết về tuân thủ bảy nguyên tắc của Ủy ban Thế giới về Đập (WCD) hoặc Giao thức Đánh giá Tính bền vững Thủy điện trong việc xây dựng đập; bên cạnh đó, các NHTM cũng chưa công bố chính sách của mình yêu cầu hoặc khuyến khích khách hàng doanh nghiệp đang nhận tài trợ/đi vay công bố báo cáo phát triển bền vững được xây dựng theo các khuôn khổ được công nhận; tích hợp

các tiêu chí về ESG vào chính sách mua sắm và chính sách vận hành của mình cũng như đưa các điều khoản tuân thủ tiêu chí về ESG vào hợp đồng với các nhà thầu phụ và nhà cung cấp.

Hộp 3.4. Cam kết của NHTM về mục tiêu tài trợ cho năng lượng tái tạo và giảm mức tài trợ cho điện than

ACB: Khung TCBV (tr.12, 2024). ACB sẽ chỉ sử dụng nguồn vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu bền vững, khoản vay bền vững cho các loại dự án/mục đích như sau: tài trợ tái tạo năng lượng hay tái tài trợ vào phát triển xây dựng, lắp đặt hoặc duy trì/vận hành và hạ tầng liên quan trong lĩnh vực tái tạo năng lượng bao gồm năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng từ thủy triều, thủy điện nhỏ (ít hơn 15MW và dòng chảy của sông), năng lượng sinh khối, năng lượng khí, năng lượng địa nhiệt – với phát thải trực tiếp ít hơn 100gr CO₂eq/kwh. Tài trợ hay tái tài trợ lĩnh vực sản xuất/nhập khẩu/xuất khẩu/phân phối các linh kiện trong lĩnh vực kỹ thuật năng lượng tái tạo (bao gồm nhưng không giới hạn turbine gió, tấm năng lượng mặt trời, máy biến tần, pin lưu trữ). Năm 2024, ACB đã cung cấp gói tín dụng 2.000 tỷ đồng lần thứ nhất từ nguồn vốn nội bộ với mức lãi suất ưu đãi thấp hơn so với mức lãi suất thông thường nhằm đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh của các doanh nghiệp. Đến tháng 11/2025, Ngân hàng tiếp tục tăng thêm khoản 2.000 tỷ đồng khác từ cũng từ nguồn vốn nội bộ để tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp trong khuôn khổ Khung tài chính bền vững. Tính đến 31/12/2024, tổng dư nợ tín dụng được ghi nhận như sau: • Dư nợ cho vay đối với các dự án thuộc danh mục dự án xanh theo Khung tài chính bền vững là 334,7 tỷ đồng (*). • Dư nợ cho vay đối với các dự án thuộc danh mục dự án xã hội theo Khung tài chính bền vững là 3.027,9 tỷ đồng (*).

(https://acb.com.vn/acbwebsite/files/ESG_2024.pdf)

HDB: BCPTBV (tr.50, 2024). Từ năm 2021, Ngân hàng khẳng định cam kết mạnh mẽ với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường thông qua việc không tài trợ cho bất kỳ hoạt động nào liên quan đến khai thác, vận chuyển than đá, hoạt động của nhà máy nhiệt điện than và các dự án cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho những hoạt động này.

BCPTBV (tr.44, 2024): TÀI CHÍNH BỀN VỮNG, ngân hàng chủ động triển khai các gói tín dụng, giải pháp tài chính bền vững nhằm tài trợ các dự án mang lại giá trị bền vững đến môi trường và xã hội, tiêu biểu trong các lĩnh vực như nông nghiệp, năng lượng tái tạo và tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ... Ngân hàng đặt mục tiêu tăng tỷ trọng danh mục tài chính bền vững lên 15% vào năm 2030, với mục tiêu dài hạn là đạt phát thải ròng bằng 0 (Net Zero Bank) vào năm 2050.

BCTN (tr.60, 2024): HDBank Có kế hoạch sử dụng nguồn vốn xanh và trái phiếu xanh để thực hiện nội dung này.

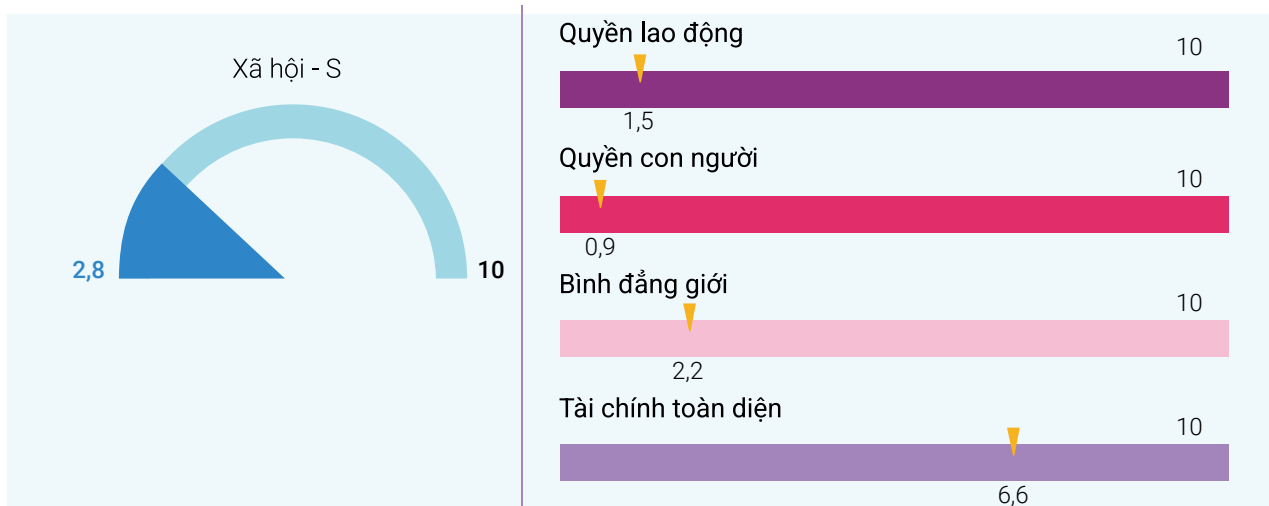
BCTN (tr.95, 2024): Năm 2024, HDBank là ngân hàng tư nhân đầu tiên của Việt Nam phát hành 118 triệu USD trái phiếu xanh,.... công bố “Khung tài chính bền vững” phù hợp với các tiêu chuẩn của ICMA và LMA, được phát triển với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC).

3.2.2. Yếu tố Xã hội (S)

3.2.2.1. Khái quát chung về cam kết chính sách Xã hội

Cam kết chính sách Xã hội của các NHTM Việt Nam năm 2025 tiếp tục có sự cải thiện về chỉ số tổng thể S đạt 2,8 điểm, tăng 0,4 điểm so với năm báo cáo

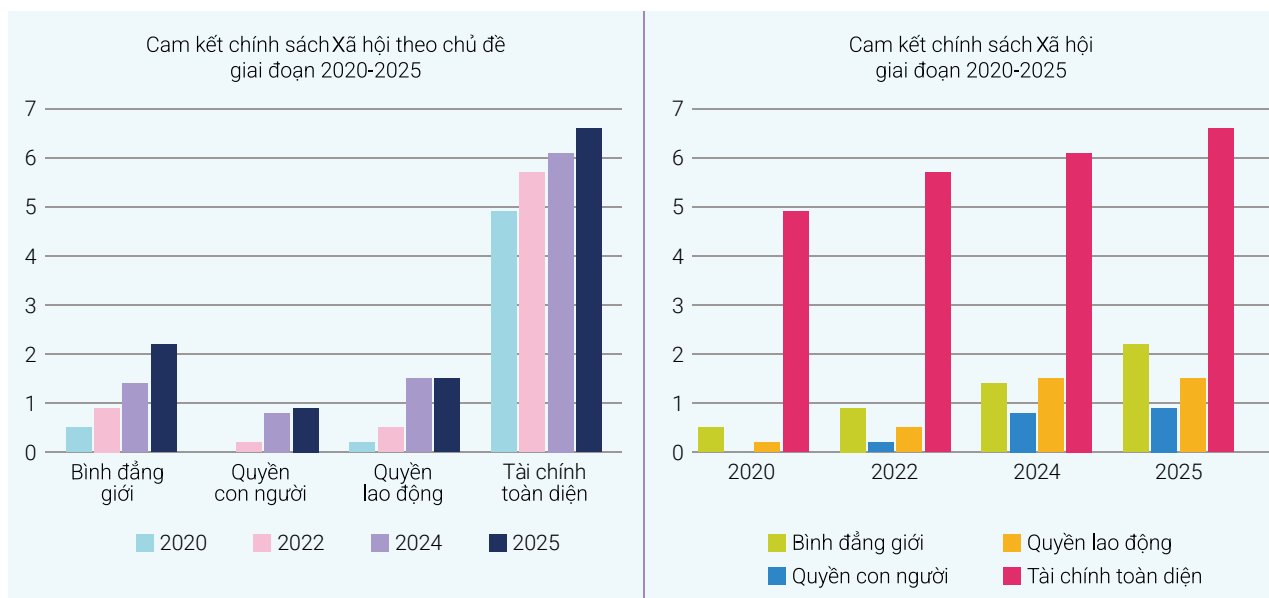
liên kế 2024. Trong đó, ngoại trừ chủ đề về Quyền lao động không có sự thay đổi đáng kể (1,53 so với 1,48 điểm), các chủ đề về Quyền con người, Bình đẳng giới và Tài chính toàn diện tiếp tục có sự tiến bộ trong cam kết chính sách của các NHTM.



Biểu đồ 3.13. Cam kết chính sách Xã hội (S) năm 2025

Xét trong cả giai đoạn 2020 và 2025, cam kết chính sách Xã hội của các NHTM có xu hướng tăng qua các lần báo cáo. Các NHTM đều công bố thông tin tương thích hơn với các chuẩn mực quốc tế về các chủ đề liên quan. Tài chính toàn diện vẫn là chủ đề có cam kết mạnh mẽ nhất trong số bốn chủ đề được đánh giá. Mặc dù điểm cam kết chính sách về Quyền con người của các NHTM vẫn ở mức thấp, song so với thời điểm năm 2020, hầu như không có thông tin tương thích với các chuẩn mực và thông lệ tốt quốc tế nào được các NHTM tại Việt Nam công bố, thì

những bước tiến hiện tại cũng đã thể hiện sự quan tâm của các NHTM trong cam kết chính sách liên quan đến các tiêu chuẩn về Quyền con người được quốc tế công nhận và thực hiện trách nhiệm doanh nghiệp trong việc tôn trọng Quyền con người theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc cũng như chính sách không khoan nhượng đối với mọi hình thức phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp, dựa trên cơ sở giới tính, chủng tộc, dân tộc, xu hướng tính dục và khả năng thể chất.



Biểu đồ 3.14. Cam kết chính sách Xã hội giai đoạn 2020 – 2025

Yếu tố Xã hội (S): Năm 2025 điểm cam kết chính sách đối với trụ cột Xã hội đạt 2,8 điểm. Mức điểm này thể hiện các cam kết chính sách liên quan đến chủ đề đã có sự cải thiện mang tính bứt phá. so với các năm 2020, năm 2022 và năm 2024, điểm yếu tố Xã hội tăng lần lượt là 2,3 điểm; 1,2 điểm và 0,8 điểm.

Chủ đề Quyền lao động: đạt ở mức 1,5 điểm, có sự cải thiện tích cực so với năm 2020 (tăng 1,3 điểm) và năm 2022 (tăng 1 điểm), nhưng không có sự thay đổi vào so với năm 2024. Số lượng NHTM công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 (13/14 NHTM) không thay đổi so với năm 2024 (13/13 NHTM), và tăng lên so với năm 2022 (5/11 NHTM) và năm 2020 (2/10 NHTM).

Chủ đề Quyền con người: đạt ở mức 0,9 điểm, có sự cải thiện tích cực so với các năm 2020 (tăng 0,9 điểm), 2022 (tăng 0,7 điểm) và 2024 (tăng 0,1 điểm). Số lượng NHTM công bố những cam kết liên quan

đến chủ đề này vào năm 2025 (13/14 NHTM) tăng lên so với năm 2024 (9/13 NHTM), và tăng lên so với năm 2022 (3/11 NHTM) và năm 2020 (1/10 NHTM).

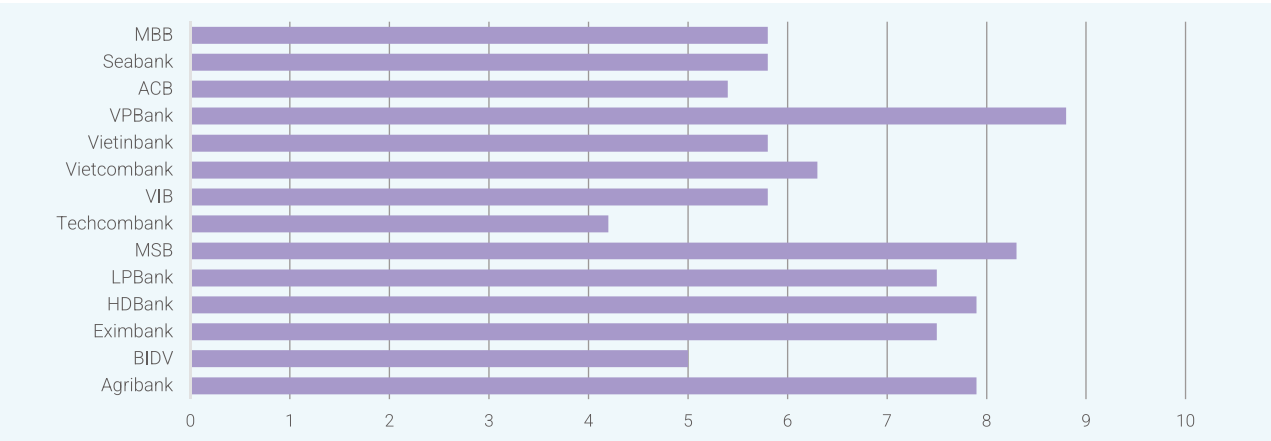
Chủ đề Bình đẳng giới: đạt ở mức 2,2 điểm, có sự cải thiện tích cực so với các năm 2020 (tăng 1,7 điểm), 2022 (tăng 1,3 điểm) và 2024 (tăng 0,8 điểm). Số lượng NHTM công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 (13/14 NHTM) không thay đổi so với năm 2024 (13/13 NHTM), và tăng lên so với năm 2022 (8/11 NHTM) và năm 2020 (5/10 NHTM).

Chủ đề Tài chính toàn diện: đạt ở mức 6,6 điểm, có sự cải thiện tích cực so với các năm 2020 (tăng 1,7 điểm), 2022 (tăng 0,9 điểm) và 2024 (tăng 0,5 điểm). Số lượng NHTM công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 (13/14 NHTM) không thay đổi so với năm 2024 (13/13 NHTM), và tăng lên so với năm 2022 (11/11 NHTM) và năm 2020 (10/10 NHTM).

3.2.2.2. Cam kết chính sách Xã hội theo từng chủ đề



Chủ đề Tài chính toàn diện



Biểu đồ 3.15. Cam kết chính sách Tài chính toàn diện của 14 NHTM năm 2025

Trong 11 chủ đề phân tích về cam kết chính sách ESG của các NHTM, chủ đề Tài chính toàn diện có điểm cao nhất và có xu hướng tăng trong cả giai đoạn 2020 - 2025. Điểm trung bình của chủ đề này vào năm báo cáo đầu tiên, năm 2020 là 4,9/10 điểm với tất cả các NHTM trong danh mục phân tích đều công bố chính. Năm 2025, cam kết về Tài chính toàn diện tiếp tục có những công bố chính sách phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế như: Nguyên tắc của tài chính vi mô và nguyên tắc bảo vệ khách hàng trong tài chính vi mô của Nhóm tư vấn Hỗ trợ người nghèo (CGAP); Nguyên tắc của Liên hợp quốc về đầu tư có trách nhiệm (UNPRI); Yêu cầu của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) về Thiết kế Hệ thống Tài chính bền vững;

Tuyên bố Maya về Tài chính toàn diện; Bộ tiêu chuẩn ISO 12812-1:2017. Điểm đánh giá của chủ đề đạt 6,6/10 điểm, tăng 35% so với lần đánh giá đầu tiên và cũng đảm bảo 14/14 NHTM công bố chính sách.

MSB, VPBank, Agribank, Eximbank và Vietinbank là những NHTM có các cam kết chính sách về tài chính toàn diện được xem là công bố thông tin nhiều nhất trong suốt cả giai đoạn 2020 -2025. Các NHTM này công bố chính sách về dịch vụ và sản phẩm nhằm tới nhóm người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương như doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs), cho vay khu vực nông thôn; có chi nhánh tại các vùng nông thôn; cung cấp các dịch vụ ngân hàng trực tuyến; cấp tín dụng tới MSMEs với tỷ lệ trên 10% tổng dư nợ,

có sản phẩm tín dụng không đòi hỏi tài sản thế chấp khi cấp tín dụng cho MSMEs; và miễn phí mở tài khoản. Ngoài ra, các NHTM này còn có thể có một số chính sách chuyên biệt hơn về tài chính toàn diện như nâng cao kiến thức về tài chính cho nhóm người có thu nhập thấp, nhóm người dễ bị tổn thương và MSMEs; ưu tiên tín dụng cho nhóm người dễ bị tổn thương; tín dụng cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hoặc không yêu cầu số dư tối thiểu để duy trì tài khoản hay có sản phẩm tài chính về nhà ở dành riêng cho đối tượng là người có thu nhập thấp. Trong đó, ngân hàng MSB công bố năm 2024, tỷ trọng dư

nợ cho vay các MSMEs chiếm tới 43% tổng dư nợ tín dụng của ngân hàng.¹⁰ Ngân hàng HDBank đã tăng 67% số tiền giải ngân cho doanh nghiệp SME năm 2024 so với năm 2023, nâng số lượng doanh nghiệp mới tiếp cận gói vay lên tới 22.682 doanh nghiệp.¹¹

Tuy nhiên, chính sách nâng cao hiểu biết tài chính cho các nhóm thu nhập thấp, yếu thế và dễ bị tổn thương, cũng như các doanh nghiệp MSMEs đã được một số NHTM đề cập song còn hạn chế về thông tin cụ thể về hoạt động hỗ trợ.

Hộp 3.5. Chính sách tín dụng của ngân hàng đối với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương

Agribank: BCTN (tr.103, 2024): “Chương trình tín dụng tiêu dùng đối với khách hàng cá nhân, hộ gia đình: Đây là một trong những giải pháp của Agribank trong nỗ lực triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển “tam nông” và các giải pháp góp phần hạn chế tín dụng đen, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa...

HDB: BCPTBV (tr.55, 2024): HDBank chủ động theo đuổi chiến lược ngân hàng bán lẻ hàng đầu, mở rộng mạnh mẽ tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, nơi dịch vụ ngân hàng còn hạn chế. Điều này giúp người dân thu nhập thấp, người khuyết tật và các đối tượng khắt khe dễ dàng tiếp cận vốn và dịch vụ ngân hàng hiện đại, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đồng thời, HDBank xây dựng các sản phẩm, dịch vụ với lãi suất ưu đãi, phù hợp để tăng khả năng tiếp cận vốn cho nhóm khách hàng dưới chuẩn, đối tượng yếu thế, góp phần đẩy lùi tín dụng đen.

MSB: BCPTBV (tr.24, 2024): MSB đã không ngừng hoàn thiện và đa dạng hóa các sản phẩm tài chính linh hoạt, hướng đến những nhóm khách hàng thu nhập thấp, người nghèo; nhóm dễ bị tổn thương; nhóm KH doanh nghiệp vừa và nhỏ, DN siêu nhỏ; DN vừa và nhỏ có nữ làm chủ.

Hộp 3.6. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

MSB: BCPTBV (tr.24, 2024): Với nhóm doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (WSMEs), MSB triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi, tư vấn tài chính và hỗ trợ kết nối mạng lưới kinh doanh nhằm nâng cao năng lực và phát triển bền vững. Đồng thời, ngân hàng cũng tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng quản trị tài chính, quản lý doanh nghiệp và chuyển đổi số dành cho SMEs và WSMEs.

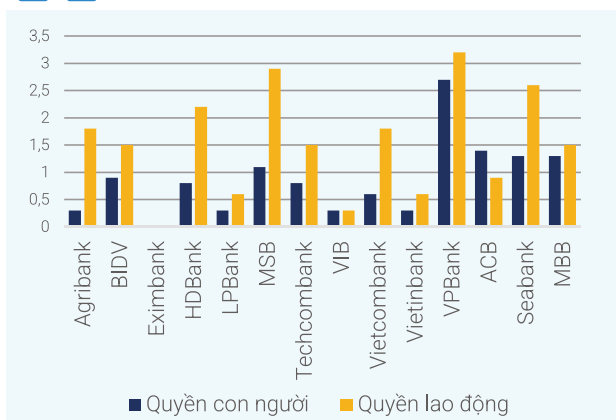
ACB: BCPTBV (tr.18, 2024): Về khía cạnh xã hội, ACB luôn chú trọng đến khía cạnh bình đẳng giới, bình đẳng tài chính. Thông qua Khung tài chính bền vững và các chủ trương định hướng sử dụng nguồn vốn nội bộ, ACB đã chủ động triển khai một số chính sách tài chính bình đẳng, tài chính toàn diện, giúp nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của nhóm khách hàng dễ bị tổn thương như SMEs và WSMEs, đảm bảo quyền tiếp cận các dịch vụ tài chính của mọi khách hàng theo định hướng của NHNN và Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia. Trong năm 2024, ACB đã giải ngân hơn 3.300 tỷ đồng với mức lãi suất ưu đãi cho WSMEs.

10 Xem thêm tại báo cáo phát triển bền vững MSB 2024 tại trang 24. [MSB, BCPTBV \(2024\), Xem tháng 10/2025](#)

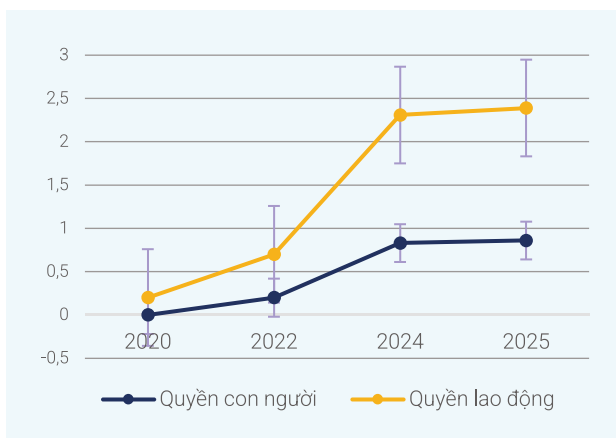
11 Xem thêm tại báo cáo phát triển bền vững HDB tại <https://cdn.hdbank.com.vn/hdbank/bctn/2024-6-17/index.html>



Chủ đề Quyền con người và Quyền lao động



Biểu đồ 3.16. Cam kết chính sách chủ đề Quyền con người và Quyền lao động năm 2025



Biểu đồ 3.17. Cam kết chính sách chủ đề Quyền con người và Quyền lao động giai đoạn 2020 -2025

Hầu hết các NHTM cam kết chính sách về chủ đề Quyền con người và Quyền lao động. Năm báo cáo 2025, chỉ có 1/14 NHTM chưa ghi nhận thông tin tương thích với tiêu chí đánh giá để nhận điểm liên quan đến cả chủ đề Quyền con người và Quyền lao động, trong khi vào thời điểm năm 2020, chỉ có 1/11 NHTM có thông tin về chủ đề quyền con người và 2/11 NHTM có thông tin về chủ đề Quyền lao động phù hợp với nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc (UNGP) và tuyên bố của tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động. Do đó, cùng với xu hướng các cam kết chính sách được cải thiện trong cả giai đoạn 2020 – 2025 được xem là điểm tích cực của các NHTM trong nỗ lực công bố thông tin về các chủ đề này.

Tại chủ đề Quyền lao động, hầu hết các NHTM công bố thông tin đều đảm bảo chính sách có đề cập đến từ đầy đủ đến gần đầy đủ phạm vi của các nội dung của Tuyên bố của ILO về nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động gồm: (i) Quyền tự do hiệp hội và sự thừa nhận có hiệu quả quyền thương lượng tập thể; (ii) Xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc; (iii) Xóa bỏ lao động trẻ em một cách hiệu quả; (iv) Xóa bỏ phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp. Từ năm báo cáo 2024, các thông tin này được 50% số NHTM trong danh mục phân tích chính sách công bố tương đối đầy đủ và chi tiết tại báo cáo thường niên hoặc báo cáo bền vững độc lập (Xem thêm về cam kết chính sách về quyền lao động của ngân hàng ACB và SeABank tại hộp tham khảo).

Hộp 3.7. Cam kết chính sách về Quyền lao động của Ngân hàng Seabank

SeaBank. BCTN (tr.199, 2024): Chính sách tuyển dụng không phân biệt: SeABank đảm bảo quy trình tuyển dụng công bằng, không thiên vị hay phân biệt đối với bất kỳ yếu tố nào khác ngoài năng lực chuyên môn..., thu hút nhân tài từ mọi vùng miền, giới tính, độ tuổi, sắc tộc, tôn giáo... • Bình đẳng giới: SeABank luôn tạo điều kiện cho nữ giới khẳng định bản thân và giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng. Tỷ lệ quản lý và lãnh đạo nữ tại SeABank là 48%, bao gồm các cấp từ Giám đốc nghiệp vụ cấp 1 trở lên.

BCTN (tr.199, 2024): Cơ hội thăng tiến công bằng: Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc minh bạch, dựa trên thành tích và năng lực, đảm bảo tất cả nhân viên đều có cơ hội được công nhận và phát triển nghề nghiệp một cách công bằng.

BCPTBV (tr.116-117): Cam kết về quyền con người, không sử dụng lao động trẻ em và không tài trợ/hợp tác với các bên có hành vi sử dụng lao động trẻ em

BCTN (tr. 135, 2024). Ban hành Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Ngân hàng nhằm thể chế hóa các quy định của Bộ Luật Lao động. SeABank còn duy trì một số chính sách phúc lợi ở mức cao hơn so với quy định của pháp luật như: chính sách nghỉ phép năm cao hơn mức tiêu chuẩn của pháp luật mở rộng theo chức danh, thâm niên và cống hiến cho Ngân hàng; chính sách bảo hiểm sức

khỏe cho CBNV và gia đình.

Hộp 3.8. Cam kết chính sách về Quyền Lao động của NHTMCP Á Châu (ACB)

BCPTBV (tr.123, 2024): ACB cũng đã xây dựng Bộ quy tắc về đạo đức nghề nghiệp để không chỉ mang lại lợi ích cho người lao động và khách hàng mà còn tạo ra giá trị bền vững cho ACB và cộng đồng xã hội. Bộ quy tắc này nêu rõ các hành vi chuẩn mực cũng như cấm các hành vi phân biệt đối xử dưới mọi hình thức tại ACB. Bộ quy tắc áp dụng cho tất cả nhân viên tại ACB trong tất cả các hoạt động tại Ngân hàng, giữa nhân viên ACB với nhau và giữa nhân viên ACB với các bên hữu quan.

BCPTBV (tr.125, 2024): TÔN TRỌNG QUYỀN TỰ DO LẬP HỘI: ACB tôn trọng, cam kết và đảm bảo quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể của người lao động, phù hợp với Hiến pháp và Pháp luật của Việt Nam cũng như các yêu cầu thực hành tốt trên thế giới như Quy định của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và yêu cầu của Hiệp định CPTPP, EVFTA.

BCPTBV (tr.126, 2024): Đảm bảo quyền con người, tuân thủ pháp luật và các quy định về lao động: ACB luôn cam kết đảm bảo quyền con người của người lao động trong sử dụng và quản lý người lao động:

- Cam kết không sử dụng lao động trẻ em; người lao động làm việc tại ACB phải ít nhất đủ từ 18 tuổi trở lên theo quy định của pháp luật.
- Cam kết không sử dụng các hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc.

Hộp 3.9. Chính sách Quyền lao động đối với nhà cung cấp và khách hàng doanh nghiệp

BIDV. BCPTBV, (tr.57, 2024): BIDV thực hiện lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, cũng như tuân thủ các nguyên tắc về mặt xã hội: tôn trọng quyền con người và các quyền của người lao động; không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức; đảm bảo quyền lợi của người lao động; đảm bảo trả lương công bằng.

VPB. BCPTBV, (tr.110, 2024): VPBank tôn trọng quyền con người khi làm việc với các nhà cung cấp, hoạt động mua sắm và thuê ngoài. VPBank đặt ra các tiêu chí chặt chẽ trong việc lựa chọn đối tác cung cấp dịch vụ và yêu cầu các nhà cung cấp phải tuân thủ các quy định pháp luật, bao gồm pháp luật về môi trường và xã hội, bảo vệ an toàn thông tin và đặc biệt không dung túng việc sử dụng lao động trẻ em và cưỡng bức lao động.

SeaBank. BCPTBV (tr.72, 2024): Ban hành và công bố “Bộ Quy tắc ứng xử dành cho Nhà cung cấp” từ năm 2024 nhằm thiết lập các tiêu chuẩn và nguyên tắc mà các đối tác, nhà cung cấp cần tuân thủ khi hợp tác với SeaBank. Quy định các nguyên tắc về điều kiện làm việc an toàn, cấm lao động cưỡng bức

và lao động trẻ em, bảo chuỗi cung ứng tuân thủ chuẩn ESG.

Bên cạnh đó, một số NHTM đã thể hiện yêu cầu một phần về Các Nguyên tắc và Quyền Cơ bản trong Lao động (tập trung vào cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức) vào chính sách mua sắm của mình (6/14 NHTM). ngân hàng Agribank và SeABank trong danh sách loại trừ tín dụng cũng đã tuyên bố chính sách loại trừ cấp tín dụng liên quan sử dụng lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em. Đây cũng là một trong số ít chủ đề mà cam kết chính sách đã được thực hiện yêu cầu đối với khách hàng doanh nghiệp nhận tài trợ. Chính sách thai sản cũng đã được một số NHTM đề cập

trong giai đoạn 2024 -2025. Tuy nhiên, các chính sách liên quan đến thiết lập các quy trình để quản lý và xử lý khiếu nại của nhân viên và giải quyết các vi phạm quyền lao động phần lớn mới được các NHTM đề cập, nhưng phần lớn các NHTM chưa thể hiện một chính sách và quy trình hoàn chỉnh.

Đối với chính sách Quyền con người, các NHTM chủ yếu công bố cam kết một phần chính sách tôn trọng quyền con người và không khoan nhượng với mọi hình thức phân biệt đối xử trong công việc và nghề nghiệp, dựa trên cơ sở giới, chủng tộc, dân tộc, xu

hướng tính dục và khả năng thể chất (12/14 NHTM).

Về tiêu chí cập nhật mới “ngân hàng thừa nhận rằng các hoạt động cho vay và/hoặc đầu tư của mình có thể liên quan trực tiếp đến các tác động tiêu cực đến quyền con người và cam kết sử dụng ảnh hưởng của mình để thúc đẩy việc khắc phục khi các tình huống như vậy xảy ra”, mới có 1 ngân hàng đề cập (MSB).

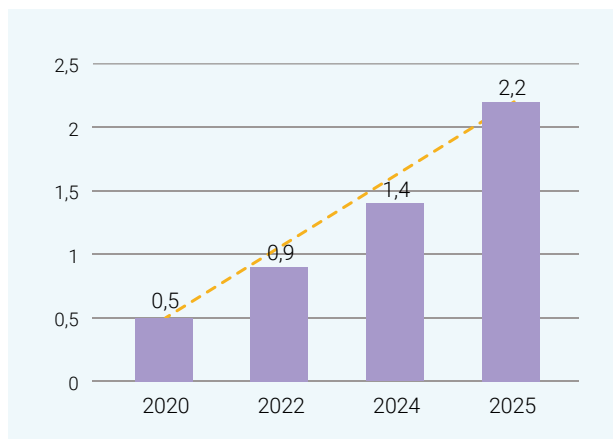
Các chính sách của NHTM đối với khách hàng doanh nghiệp đang nhận đầu tư hay tín dụng của ngân hàng về chủ đề này còn thiếu vắng. Ví dụ: NHTM yêu cầu doanh nghiệp khách hàng ngăn chặn xung đột về quyền đất đai và tài nguyên thiên nhiên bằng cách tham vấn một cách có ý nghĩa với cộng đồng địa phương để đạt được đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC); những yêu cầu, khuyến khích khác đối với doanh nghiệp khách hàng như: tôn trọng quyền của người khuyết tật; tích hợp các tiêu chí về quyền con người vào chính sách mua sắm và vận hành; đưa các điều khoản tuân thủ tiêu chí về quyền con người vào hợp đồng với các nhà thầu phụ và nhà cung cấp. Các chính sách đối với khách hàng doanh nghiệp này đều chưa được các NHTM đề cập.

Chủ đề Bình đẳng giới

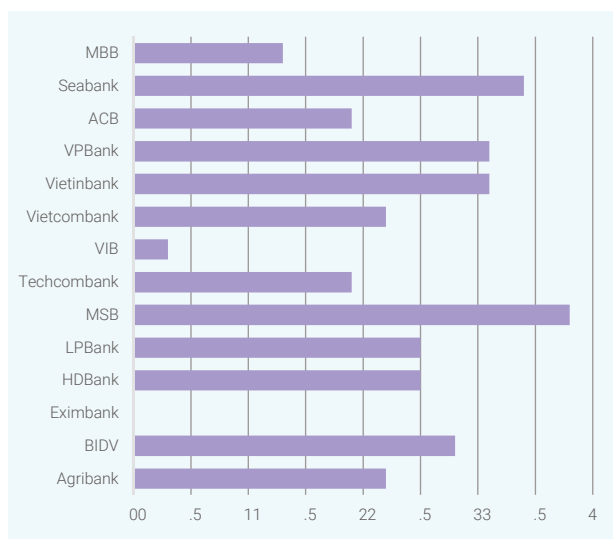
Chính sách Bình đẳng giới được xây dựng dựa trên một số chuẩn mực quốc tế như: Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR); Công ước CESC; Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW); Công ước Liên hợp quốc về quyền Dân sự, Chính trị (ICCPR); những công ước cốt lõi của ILO số 100 về trả công bình đẳng; số 111 về chống phân biệt đối xử trong nghề nghiệp và việc làm; tiêu chuẩn hoạt động về môi trường và xã hội số 2 của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và Điều kiện làm việc và lao động; Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) số 5. Đây là chủ đề mà có sự cải thiện rõ rệt trong giai đoạn 2020 – 2025 với điểm cam kết chính sách tăng gấp 4,4 lần với điểm giữa lần báo cáo thứ nhất (năm 2020) và lần báo cáo thứ tư (năm 2025) lần lượt là 0,5 điểm và 2,2 điểm.

Điểm cam kết chính sách bình đẳng giới của các NHTM năm 2025 tăng cao đáng kể so với lần báo cáo chính sách đầu tiên là do tăng cả về số lượng các NHTM tham gia công bố chính sách và tăng lượng thông tin cam kết tương thích với chính sách bình đẳng giới theo các tiêu chuẩn quốc tế. Các ngân hàng MSB, Vietinbank, VPBank, BIDV và SeABank là 5 NHTM dẫn đầu về cam kết chính sách với chủ đề này. Năm 2025 có tới 12/14 NHTM có đề cập đến chính sách không khoan nhượng đối với bạo lực trên cơ sở giới tại nơi làm việc, bao gồm quấy rối bằng lời nói,

thể chất và quấy rối tình dục, trong khi số có đề cập đến chính sách này tại năm 2020 chỉ là 5/11 NHTM. Mặc dù là tiêu chí được cập nhật mới, tuy nhiên cũng đã có 8/14 NHTM thể hiện cam kết đối với cuộc sống gia đình và cân bằng giữa công việc – cuộc sống bằng cách hỗ trợ chăm sóc trẻ em, nghỉ thai sản cho thấy những bước tiến mới của các NHTM trong việc chủ động hơn trong cập nhật chính sách hướng tới mục tiêu bền vững.



Biểu đồ 3.18: Cam kết chính sách Bình đẳng giới giai đoạn 2020 - 2025



Biểu đồ 3.19: Cam kết chính sách Bình đẳng giới năm 2025 của 14 NHTM

Hộp 3.10. Chính sách Bình đẳng giới của ngân hàng Seabank

BCPTBV (tr.110-111, 2024): mục “Trao quyền cho nữ” – thể hiện rõ bình đẳng giới được tích hợp trong chiến lược phát triển bền vững.

BCPTBV (tr.56–57, 2024): TRAO QUYỀN CHO NỮ SeABank luôn tiên phong trong việc trao quyền và nâng cao vai trò của phụ nữ, xem đây là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững và xây dựng môi trường làm việc bình đẳng.... • Xây dựng các chính sách hỗ trợ nhân viên nữ phát triển sự nghiệp, đặc biệt chú trọng vào các chương trình đào tạo kỹ năng, huấn luyện lãnh đạo nữ và tạo cơ hội thăng tiến... khuyến khích nữ giới tham gia vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm khẳng định năng lực và vai trò.... luôn tạo điều kiện cho nữ giới khẳng định bản thân và giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng.... Thiết lập môi trường làm việc linh hoạt, hỗ trợ cán bộ nhân viên nữ cân bằng giữa công việc và trách nhiệm gia đình thông qua: chế độ nghỉ kết hôn, nghỉ thai sản cho CBNV nam và nữ; các chính sách hỗ trợ CBNV nữ trong thời kỳ thai sản (giảm giờ hành chính, trang bị phòng vắt sữa, tủ trữ sữa mẹ...); chế độ phúc lợi cho CBNV có con nhỏ, các chương trình hỗ trợ/tặng quà dịp đặc biệt cho con em CBNV...

BCPTBV (tr.109-110): Bình đẳng giới: SeABank luôn tạo điều kiện cho nữ giới khẳng định bản thân và giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng... Ngân hàng tự hào có tỷ lệ nữ giới và nam giới cân bằng trong các cấp quản lý, chứng minh sự tin tưởng vào năng lực của phái nữ. • Cơ hội thăng tiến công bằng: Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc minh bạch, dựa trên thành tích và năng lực, đảm bảo tất cả nhân viên đều có cơ hội được công nhận và phát triển nghề nghiệp một cách công bằng Thu nhập, đãi ngộ bình đẳng: SeABank thực hiện chính sách trả lương và áp dụng chế độ đãi ngộ không phân biệt giới tính hay bất kỳ yếu tố cá nhân nào, với nguyên tắc “trả lương theo giá trị công việc”.

Hộp 3.11. Cam kết chính sách thai sản, cân bằng công việc – cuộc sống trong Bình đẳng giới của HDBank

BCPTBV (tr.112, 2024): Chính sách nghỉ thai sản cho người lao động Chính sách nghỉ thai sản của ngân hàng dành cho cả nam và nữ lao động, đảm bảo rằng họ vẫn được xem xét thi đua, xét nâng lương định kỳ và đánh giá thăng tiến sự nghiệp. Hơn nữa, ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật, HDBank còn mang đến sự an tâm về tài chính cho người lao động trong giai đoạn thai sản, đồng thời tạo điều kiện tốt nhất để họ chăm sóc con cái. Cụ thể như việc Ngân hàng hỗ trợ các cán bộ nhân viên nữ sinh con với khoản chi bằng 1,5 tháng lương tối thiểu vùng và cho phép họ được nghỉ việc hưởng lương trong 5 ngày để đi khám trong suốt thời gian mang thai.

BCPTBV (tr.119, 2024): Đa dạng và công bằng trong thù lao. Ngân hàng luôn quan tâm sâu sắc đến phúc lợi của cán bộ nhân viên nữ, triển khai nhiều chương trình và hỗ trợ đa dạng để tôn vinh, chăm sóc, tạo điều kiện tối ưu để họ có thể cân bằng giữa cuộc sống và công việc..., ngân hàng còn linh hoạt giờ giấc để tạo điều kiện cho các nhân viên nữ chủ động thời gian làm việc để không ảnh hưởng đến kết quả công việc nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cuộc sống.

Mặc dù đạt được một số tiến bộ, chủ đề cam kết chính sách về Bình đẳng giới của các NHTM vẫn còn một số tiêu chí chưa nhận điểm hoặc chưa nhận điểm đầy đủ. Hiện trạng này chủ yếu do thiếu vắng các chính sách yêu cầu đối với doanh nghiệp nhận tài trợ và đầu tư thực hiện các cam kết về bình đẳng giới. Chẳng hạn, có 6 NHTM công bố tài trợ cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ song thường mới dừng lại ở số liệu đã thực hiện ở kỳ trước mà chưa cụ thể hóa thành mục tiêu của NHTM về tỷ lệ tài trợ. Hầu hết các NHTM có chính sách về chống phân biệt đối xử song chỉ có 4/14 NHTM đã tổ chức các khóa đào tạo để giải quyết vấn đề phân biệt đối

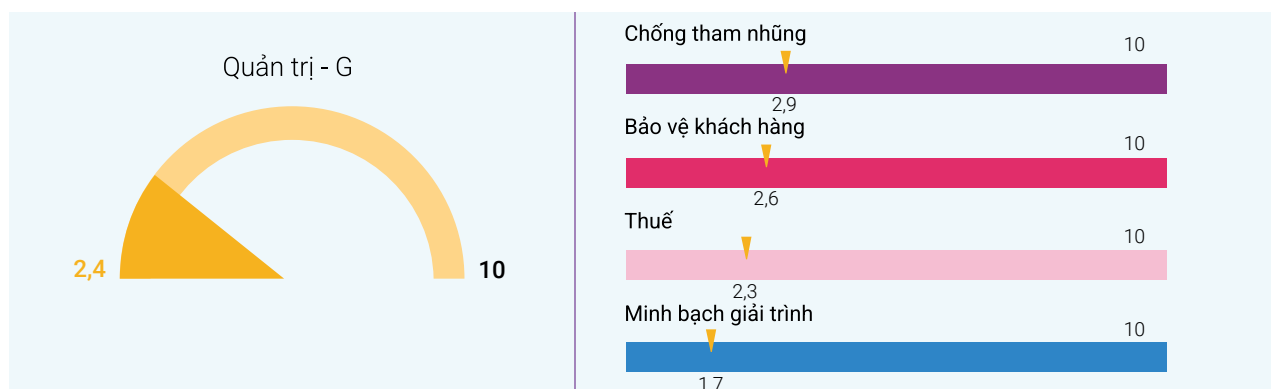
xử và định kiến giới tại nơi làm việc. Tính trên tổng số các NHTM tham gia đánh giá, (86%) chưa thể hiện cam kết ngăn chặn và giảm thiểu sự phân biệt đối xử về giới đối với khách hàng của mình một cách có hệ thống. Báo cáo thường niên của các NHTM cho thấy cơ cấu nhân sự về giới của các NHTM phân tích về cơ bản không có sự khác biệt đáng kể. Có tới 8/14 NHTM công bố thông tin về chương trình phát triển chuyên môn cho nhân viên nhằm thúc đẩy khả năng tiếp cận bình đẳng của phụ nữ với các vị trí cấp cao. Tuy nhiên, chỉ có 3 NHTM có từ trên 40% lãnh đạo nữ tham gia vào cả ba vị trí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

3.2.3 Yếu tố Quản trị (G)

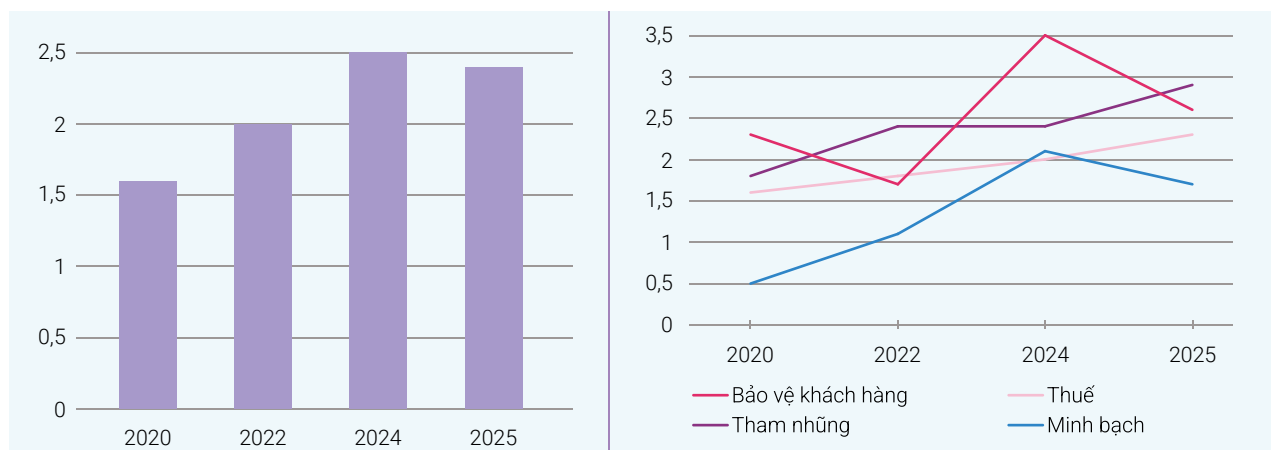
3.2.3.1 Khái quát chung về cam kết chính sách Quản trị của các NHTM

Yếu tố Quản trị – G gồm bốn (04) chủ đề là Bảo vệ người tiêu dùng, Minh bạch và trách nhiệm giải trình, Phòng chống tham nhũng và Thuế. Điểm trung bình của yếu tố G năm 2025 đạt 2,4/10, giảm nhẹ so với năm báo cáo 2024 (2,5/10). So với các lần báo cáo trước đây, năm báo cáo 2025 là năm mà lần đầu tiên yếu tố Quản trị không còn là yếu tố dẫn đầu về điểm

đánh giá chính sách trong 3 trụ cột ESG. Do đó, cam kết G của các NHTM Việt Nam năm 2025 mới chỉ bằng điểm của các ngân hàng Philippines vào năm đánh giá 2019 (Fair Finance Philippines, 2019) và thấp hơn Thái Lan tại thời điểm năm 2020 (3,2/10) (Fair Finance Thailand, 2020). Dẫu vậy, đây là trụ cột mà tất cả các chủ đề đều được các NHTM đều công bố chính sách ở một mức độ nhất định. Trong đó, SeABank là ngân hàng dẫn đầu về công bố chính sách trên toàn bộ các chủ đề được đánh giá theo tiêu chí đánh giá của phương pháp FFGM.



Biểu đồ 3.20. Cam kết chính sách Quản trị (G) năm 2025



Biểu đồ 3.21. Cam kết chính sách Quản trị của các NHTM giai đoạn 2020 - 2025

Trong số các chủ đề được đánh giá, cam kết chính sách Phòng chống tham nhũng và Thuế là hai chủ đề vẫn tiếp tục xu hướng cải thiện điểm đánh giá trong cả giai đoạn 2020 – 2025. Phòng chống tham nhũng cũng là chủ đề có điểm chính sách cao nhất (2,9/10). Điểm đánh giá cam kết chính sách Bảo vệ khách hàng và Minh bạch giải trình là hai chủ đề có điểm đánh giá giảm so với năm 2024. Mức giảm lần lượt là 0,9 và 0,4 điểm tương ứng với từng chủ đề.

Yếu tố Quản trị: Đạt ở mức 2,4 điểm, có sự cải thiện tích cực so với năm 2020 (tăng 1,9 điểm), 2022 (tăng 0,3 điểm), nhưng không có sự cải thiện nào so với năm 2024 (giảm 0,1 điểm).

Chủ đề Phòng, chống tham nhũng: đạt ở mức 2,9 điểm, có sự cải thiện tích cực so với các năm 2020 (tăng 1,1 điểm), 2022 (tăng 0,5 điểm) và 2024 (tăng 0,5 điểm). Tất cả các NHTM trong báo cáo công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 (14/14 NHTM), năm 2024 (13/13 NHTM), năm 2022 (11/11 NHTM), năm 2020 (10/10 NHTM).

Chủ đề Minh bạch và trách nhiệm giải trình: đạt ở mức 1,7 điểm, có sự cải thiện tích cực so với các năm 2020 (tăng 1,2 điểm), 2022 (tăng 0,6 điểm), song giảm đi so với 2024 (giảm 0,4 điểm). Tất cả các NHTM trong báo cáo công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 (14/14 NHTM), năm 2024 (13/13 NHTM), năm 2022 (11/11 NHTM), năm 2020 (10/10 NHTM).

Chủ đề Thuế: đạt ở mức 2,3 điểm, có sự cải thiện tích cực so với các năm 2020 (tăng 0,7 điểm), 2022 (tăng 0,5 điểm) và 2024 (tăng 0,3 điểm). Tất cả các NHTM trong báo cáo công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 (14/14 NHTM), năm 2024 (13/13 NHTM), năm 2022 (11/11 NHTM), năm 2020 (10/10 NHTM).

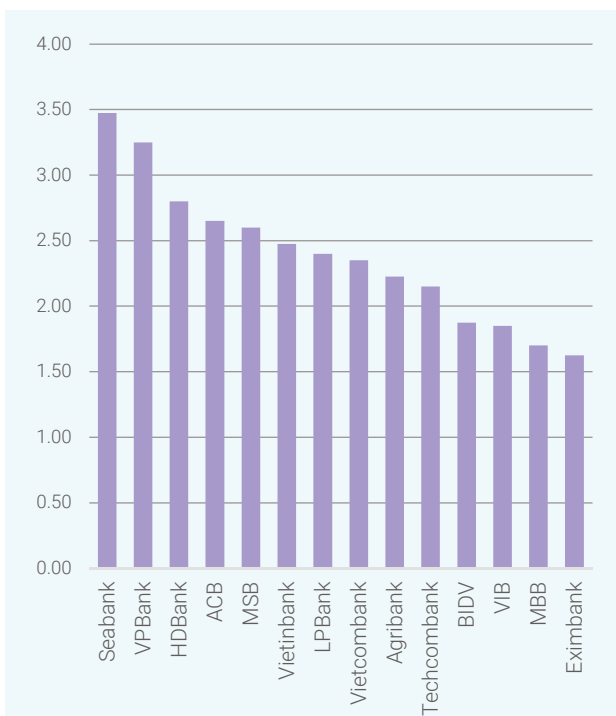
Chủ đề Bảo vệ khách hàng: đạt ở mức 2,6 điểm, có cải thiện tích cực so với năm 2020 (tăng 0,3 điểm), song giảm đi so với các năm 2022 (giảm 0,1 điểm) và 2024 (giảm 0,8 điểm). Tất cả các NHTM trong báo cáo công bố những cam kết liên quan đến chủ đề này vào năm 2025 (14/14 NHTM), năm 2024 (13/13 NHTM), năm 2022 (11/11 NHTM), năm 2020 (10/10 NHTM).

3.2.3.2. Cam kết chính sách của từng chủ đề thuộc yếu tố Quản trị của các NHTM

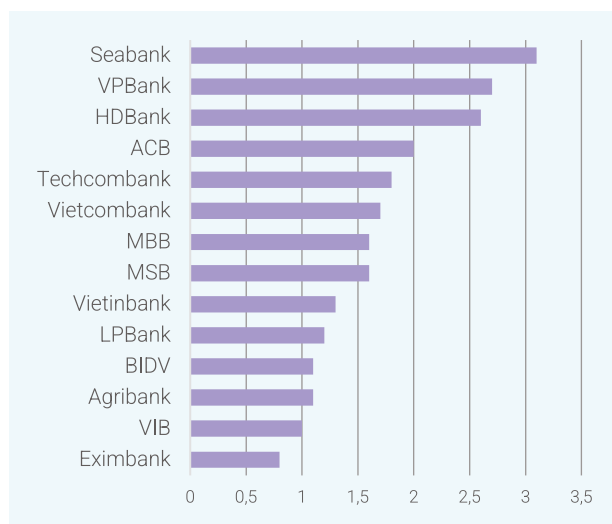


Chủ đề Minh bạch và trách nhiệm giải trình

Xem xét cam kết về chủ đề Minh bạch và trách nhiệm giải trình theo từng NHTM vào năm 2025 cho thấy ngân hàng SeABank, VPBank và HDBank là 3 NHTM thuộc nhóm 5 NHTM có cả cam kết chính sách Quản trị theo thông lệ tốt nói chung và cam kết về các nội dung minh bạch và trách nhiệm giải trình cao nhất.



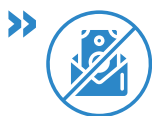
Biểu đồ 3.22. Cam kết chính sách Quản trị năm 2025



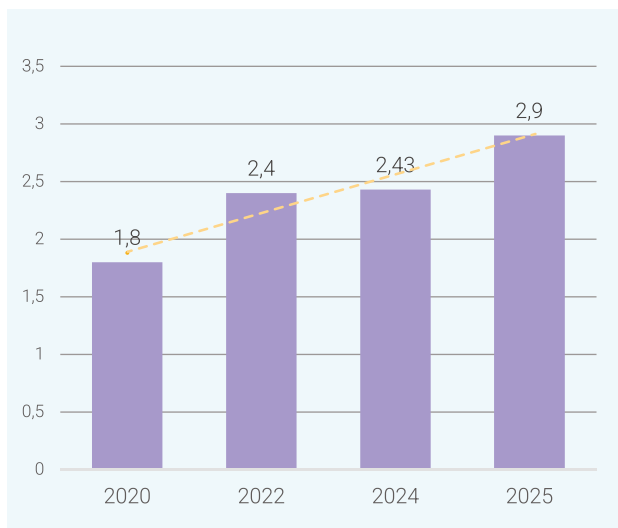
Biểu đồ 3.23. Cam kết chủ đề Minh bạch và trách nhiệm giải trình năm 2025

Về các tiêu chí cam kết cụ thể, 100% các NHTM được phân tích đều công bố khung môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Ngoài 5 NHTM công bố danh mục loại trừ trong cấp tín dụng, phần lớn các NHTM còn lại hiện vẫn còn hạn chế trong công bố cụ thể về việc đảm bảo các khoản vay đáp ứng được các điều kiện được nêu ra trong chính sách cũng như khung rủi ro môi trường xã hội. Bên cạnh đó, 11/14 NHTM công bố rằng báo cáo bền vững được xây dựng dựa trên Tiêu chuẩn GRI, gấp gần ba lần so với số lượng được báo cáo vào năm 2022. Tuy vậy, chỉ có duy nhất một (01) ngân hàng (ACB) công bố thông tin về báo cáo bền vững của NHTM được xác thực bởi bên thứ ba. Các thông tin về danh mục đầu tư theo khu vực, quy mô và ngành cũng được các NHTM công bố tương đối đầy đủ. 5/14 NHTM công bố về việc ngân hàng thiết lập cơ chế và quy trình khiếu nại có thể tiếp cận được song các NHTM này vẫn chưa báo cáo về tiến độ hiệu quả của quá trình xử lý khiếu nại của các bên liên quan.

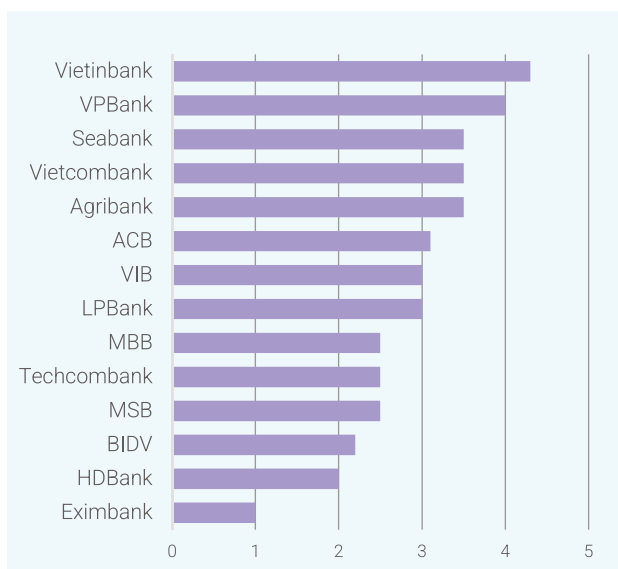
Ngoài ra, với 21 tiêu chí đánh giá, chủ đề cam kết về Minh bạch và trách nhiệm giải trình của các NHTM vẫn còn thiếu vắng nhiều nội dung chưa được các NHTM công bố thông tin như: Không có NHTM nào công bố tên và mô tả các doanh nghiệp nhận tín dụng/tín dụng mới; tên của các giao dịch tài trợ dự án và các khoản vay doanh nghiệp theo dự án; tên các công ty không được nhân đầu tư/tín dụng do liên quan đến các vấn đề bền vững; chính sách về biểu quyết, bao gồm những hướng dẫn về cách thức bỏ phiếu về các nghị quyết cổ đông liên quan đến những chủ đề về ESG.



Chủ đề Phòng, chống tham nhũng



Biểu đồ 3.24. Cam kết Phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2020 – 2025



Biểu đồ 3.25. Cam kết Phòng, chống tham nhũng của các NHTM năm 2025

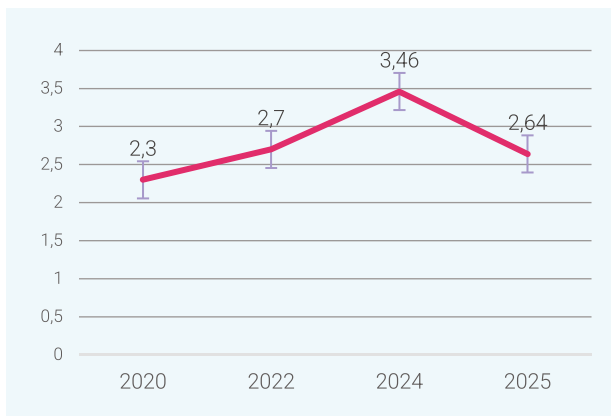
Cam kết chính sách về chủ đề Phòng, chống tham nhũng của phần lớn NHTM tiếp tục có cải thiện và giữ xu hướng tăng lượng thông tin công bố trong cả giai đoạn 2020 – 2025. Điểm trung bình về chủ đề này năm 2025 là 2,9 điểm, tăng 0,5 điểm so với năm 2020, trong đó 3/5 NHTM có điểm chính sách Phòng, chống tham nhũng cao nhất trong năm là NHTM nhà nước và NHTMCP nhà nước.

Liên quan đến thông tin được công bố, tất cả các NHTM đều công bố công khai cam kết không chấp nhận các hình thức tặng, hứa hẹn, đưa và yêu cầu, trực tiếp hoặc gián tiếp, hối lộ và lợi dụng các lợi thế khác để có được và duy trì công việc và các lợi thế khác. Trong các lần đánh giá trước, phần lớn các thông tin này chỉ được nhận diện tại các nội dung trong bộ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử, văn hoá doanh nghiệp. Từ năm 2024, đặc biệt tại năm 2025, hầu hết những cam kết này đều được thể hiện trong các chính sách về phòng chống tham nhũng thuộc báo cáo bền vững độc lập hoặc nội dung báo cáo bền vững tích hợp tại báo cáo thường niên. Tương tự, cũng có đầy đủ 14/14 NHTM có công bố công khai về chính sách phòng, chống rửa tiền và 12/14 NHTM có công bố công khai về chính sách ngăn chặn tài trợ khủng bố. Việc cam kết các nội dung này như một chính sách đầy đủ đóng góp vào xu hướng cải thiện các cam kết của các NHTM trong chủ đề này.

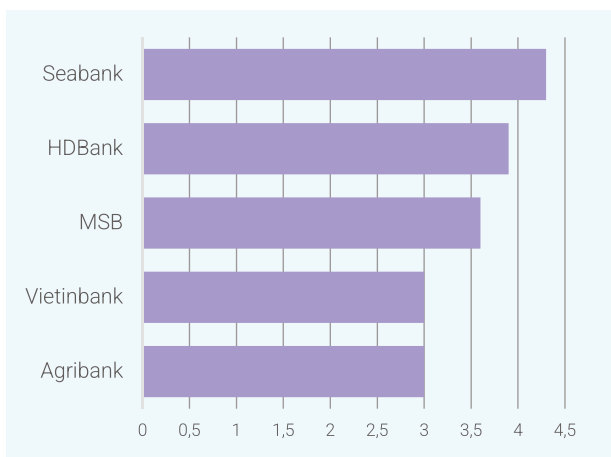
Tuy nhiên bên cạnh đó, các thông tin liên quan đến việc chứng thực người sở hữu cuối cùng của doanh nghiệp không có sự cải thiện đáng kể khi chỉ có 5/14 doanh nghiệp đề cập trong khi số liệu này tại kỳ báo cáo năm 2022 đã là 4/11 NHTM. Năm 2025 cũng không ghi nhận việc các NHTM báo cáo về sự tham gia của mình vào quá trình ra quyết định liên quan đến những quy định và luật pháp. Các thông tin liên quan đến yêu cầu hay khuyến khích khách hàng doanh nghiệp nhận đầu tư hoặc tín dụng của NHTM về phòng, chống tham nhũng còn hạn chế. Hầu như không có NHTM nào công bố các thông tin này trên các kênh có thể dễ dàng tiếp cận từ phía khách hàng, các nhà đầu tư và các bên liên quan khác và cũng không có sự cải thiện trong suốt giai đoạn 2020 – 2025.



Cam kết chính sách Bảo vệ khách hàng



Biểu đồ 3.26. Cam kết chính sách Bảo vệ khách hàng (2020 – 2025)



Biểu đồ 3.27. 5 NHTM có cam kết chính sách Bảo vệ khách hàng cao nhất

Bảo vệ khách hàng là một trong các nội dung thuộc chủ đề Quản trị được các NHTM quan tâm chú ý. Ngay từ báo cáo cam kết chính sách ESG của các NHTM được thực hiện lần đầu tiên vào năm 2020, tất cả các NHTM (11/11) đều công bố một số cam kết về mặt chính sách về chủ đề này. Xét trên cả giai đoạn 2020 – 2025, điểm cam kết chính sách đạt mức cao nhất vào năm 2024, với 3,5/10 điểm Xu hướng tăng đã dừng lại vào năm 2025. Điểm đánh giá đối với chủ đề này giảm 0,8 điểm so với năm 2024, đạt 2,6/10 điểm.

Một cách thận trọng trong phân tích với chủ đề này, điểm đánh giá giảm không hoàn toàn phản ánh chính sách bảo vệ khách hàng của các NHTM Việt Nam giảm đi mà một phần do một số thay đổi và cập nhật về tiêu chí đánh giá như yêu cầu về nâng cao nhận thức và đào tạo về an ninh mạng cho nhân viên, và khách hàng; cam kết bảo mật thông tin; cam kết chính sách quản lý rủi ro gian lận toàn diện; bồi thường cho người tiêu dùng là nạn nhân của gian lận mạng. Đây cũng là các tiêu chí mà chỉ có một số ít NHTM có thông tin được công bố.

5 NHTM có các thông tin cam kết chính sách bảo vệ khách hàng nhiều nhất năm 2025 gồm SeABank, HDBank, MSB, Vietinbank và Agribank. Các nội dung được hầu hết các NHTM đề cập trong các tiêu chí của chủ đề bảo vệ khách hàng ở các mức độ khác nhau như: Tiếp nhận những ý kiến phản hồi, khiếu nại của khách hàng thông qua các kênh liên hệ khác nhau (11/14); duy trì các dịch vụ tại chi nhánh, phòng giao dịch vật lý và online góp phần đảm bảo sự tiếp cận của nhiều nhóm khách hàng; chuẩn mực ứng xử của cán bộ NHTM với khách hàng, tôn trọng bảo mật dữ liệu của khách hàng (14/14); nâng cao năng lực an ninh mạng cho nhân viên (9/14); công bố kịp thời về sự thay đổi phí (9/14).

Hộp 3.12. Nâng cao nhận thức về an ninh mạng, bảo mật thông tin

HDBank, BCPTBV (tr.128, 2024): HDBank cam kết đảm bảo quyền bảo mật thông tin của tất cả khách hàng cá nhân, doanh nghiệp có thông tin và dữ liệu được lưu giữ tại ngân hàng thông qua việc chủ động nâng cao năng lực công nghệ, triển khai các quy chế, chính sách, quy trình phù hợp và nâng cao nhận thức của nhân viên và khách hàng về an toàn, bảo mật thông tin.

Không có các vụ việc về: gián đoạn hệ thống công nghệ thông tin; tin tặc tấn công; rò rỉ dữ liệu thông tin khách hàng được ghi nhận trong năm 2024 (và 2022, 2023); 100% nhân sự được đào tạo về an toàn thông tin, an ninh mạng.

BCPTBV (tr.129, 2024): Thực hiện các cuộc kiểm thử xâm nhập (penetration testing) nhằm phát hiện các lỗ hổng bảo mật của hệ thống; và mô phỏng tấn công an ninh mạng (red teaming) cũng được thực hiện bằng cách mô phỏng lại các kỹ thuật được tin tặc sử dụng để tấn công các tổ chức. Qua đó, ngân hàng có thể phát hiện các điểm yếu tiềm tàng của hệ thống mà tin tặc có thể khai thác và gây thiệt hại, đưa ra những giải pháp khắc phục các điểm yếu trên hệ thống nhằm hạn chế tối đa các nguy cơ tấn công mạng và đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin luôn được bảo vệ an toàn.

BCTN (tr.180, 2024): Quy trình quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm: nhận diện, phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với gian lận.

SeABank, BCTN (tr. 134, 2024): Xây dựng văn hóa kinh doanh có đạo đức; công bố thông tin trên website của ngân hàng tại chuyên mục; tuân thủ về nội dung chi tiết của Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và Sổ tay đạo đức nghề nghiệp như một cam kết của ngân hàng với các bên liên quan về những giá trị cốt lõi và giá trị đạo đức mà Ngân hàng đang hướng tới; công bố đầu mối liên hệ báo cáo sai phạm chi tiết trên website SeABank, theo đó: các hành vi có dấu hiệu vi phạm có thể được báo cáo trực tiếp, qua điện thoại hoặc email baocaosaipham@seabank.com.vn; hoặc qua văn bản tới Khối PC&TT, các Giám đốc Khu vực, Giám đốc Khối phụ trách đơn vị mà CBNV đó công tác; thành viên BTGD phụ trách Khối PC&TT, trưởng BKS hoặc trưởng phòng KTNB.

Một số chính sách như thông tin về việc giải quyết nợ cho khách hàng bị quá nợ (chỉ có 6/14 NHTM có đề cập chính sách nhưng không đầy đủ), khả năng tiếp cận dịch vụ cho người khuyết tật mới chỉ được một số ít NHTM đề cập đến (3/14 NHTM). Các nội dung NHTM có chính sách công bố quyền của khách hàng và rủi ro của sản phẩm và dịch vụ; NHTM có

quy trình và chính sách tránh việc bán kèm hoặc các hoạt động bán sản phẩm không chính đáng; chương trình đào tạo bài bản cho nhân viên và đại lý được ủy quyền về quyền khách hàng và chính sách và thực hành bảo vệ khách hàng còn thiếu vắng ở hầu hết các NHTM.

Hộp 3.13. Nhận diện và phòng ngừa gian lận

BCTN (tr.86, 2024): “Vietcombank cũng thường xuyên cải thiện những hành động cụ thể để quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm đẩy mạnh triển khai khung quản lý rủi ro gian lận”

Hòm thư tố giác: “Tại Vietcombank, chúng tôi luôn duy trì các tiêu chuẩn cao nhất về hành vi đạo đức và pháp lý trong mọi hoạt động. Do vậy, Cơ chế Tố giác được triển khai để thực hiện cam kết của ngân hàng về tăng cường quản trị và minh bạch, với mục tiêu chính là khuyến khích cung cấp thông tin về mọi vi phạm thực tế hoặc nghi ngờ về hành vi gian lận liên quan đến hoạt động của ngân hàng.

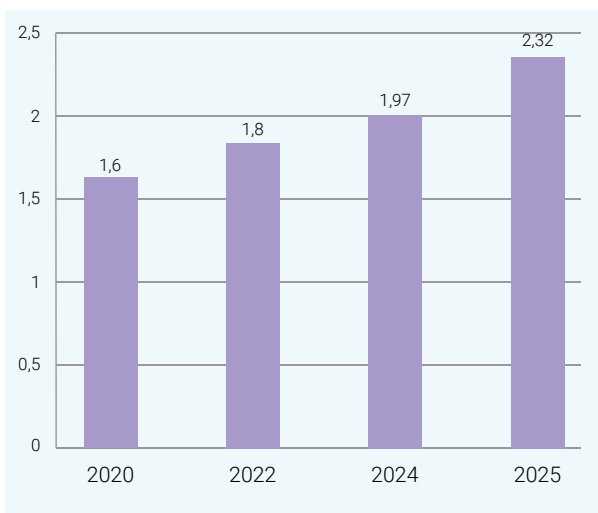
Cho mục đích của cơ chế này, hành vi gian lận được định nghĩa là hành vi cố ý lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng và/hoặc của khách hàng tại ngân hàng, hoặc cố ý vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của ngân hàng.”



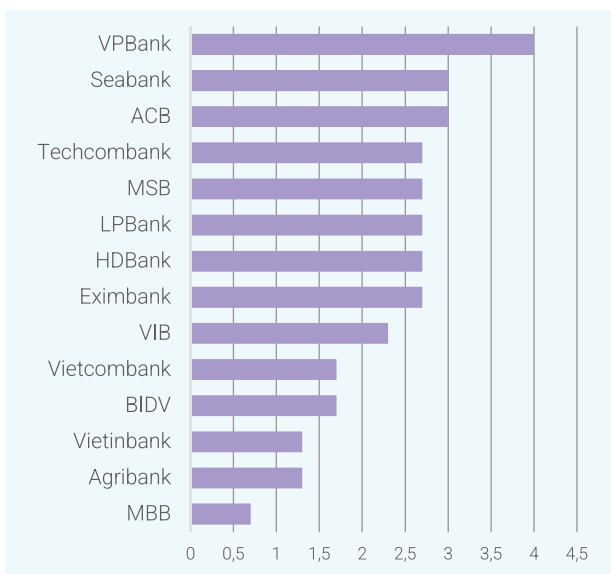
Cam kết về Thuế

Cam kết chính sách của NHTM về Thuế trong trụ cột Quản trị gồm 15 tiêu chí được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế như: Hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dành cho doanh nghiệp đa quốc gia; Tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững của GRI – Hướng dẫn về trách nhiệm thuế doanh nghiệp; Diễn đàn toàn cầu về Minh bạch và Trao đổi thông tin cho mục đích Thuế; Danh sách thiên đường thuế quốc tế của Ủy ban Châu Âu năm 2015; Danh sách đen các khu vực kinh tế không hợp tác về thuế của Liên Minh Châu Âu; Tiêu chuẩn ISO 26000:2010: hướng dẫn về trách nhiệm xã hội; Tiêu chuẩn ISO 20400:2017 về Mua sắm bền vững.

Trong giai đoạn 2020 – 2025, các nội dung cam kết chính sách Thuế của các NHTM Việt Nam hầu như không có thay đổi đáng kể và cũng không có sự khác biệt quá nhiều giữa các NHTM và giữa các năm. Chủ đề cam kết chính sách Thuế tập trung chủ yếu vào việc công khai thông tin về doanh thu, lợi nhuận, số lượng nhân viên toàn thời gian (FTE), các khoản trợ cấp nhận được từ chính phủ và các khoản thuế nộp cho chính phủ của các định chế tài chính tại nước sở tại và nước ngoài (nếu NHTM có công ty con chi nhánh ở nước ngoài). Công khai thông tin về việc NHTM có/không có các công ty con, chi nhánh hoặc công ty liên kết ở những nơi có thuế doanh nghiệp bằng 0% hoặc cam kết không cung cấp dịch vụ tài chính tại cho các doanh nghiệp tại những nơi có thực hành về thuế doanh nghiệp không tốt thông tin chính về thỏa thuận thuế mà NHTM đã nhận được từ cơ quan thuế và; yêu cầu của NHTM đối với khách hàng nhận vốn tín dụng và đầu tư cam kết về chính sách Thuế.



Biểu đồ 3.28. Cam kết chính sách Thuế giai đoạn 2020 – 2025



Biểu đồ 3.29. Cam kết chính sách Thuế của 14 ngân hàng năm 2025

Hiện tại, cam kết chính sách Thuế của các NHTM vẫn tập trung chủ yếu vào công khai thông tin về doanh thu, lợi nhuận, số lượng nhân viên toàn thời gian (FTE) và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp cũng như công bố báo cáo theo từng quốc gia về tổng tài sản phù hợp với báo cáo tài chính hợp nhất. Không có thông tin công khai nào về yêu cầu cam kết chính sách thuế của NHTM đối với các doanh nghiệp nhận tài trợ và đầu tư được ghi nhận trong suốt giai đoạn 2020 – 2025.



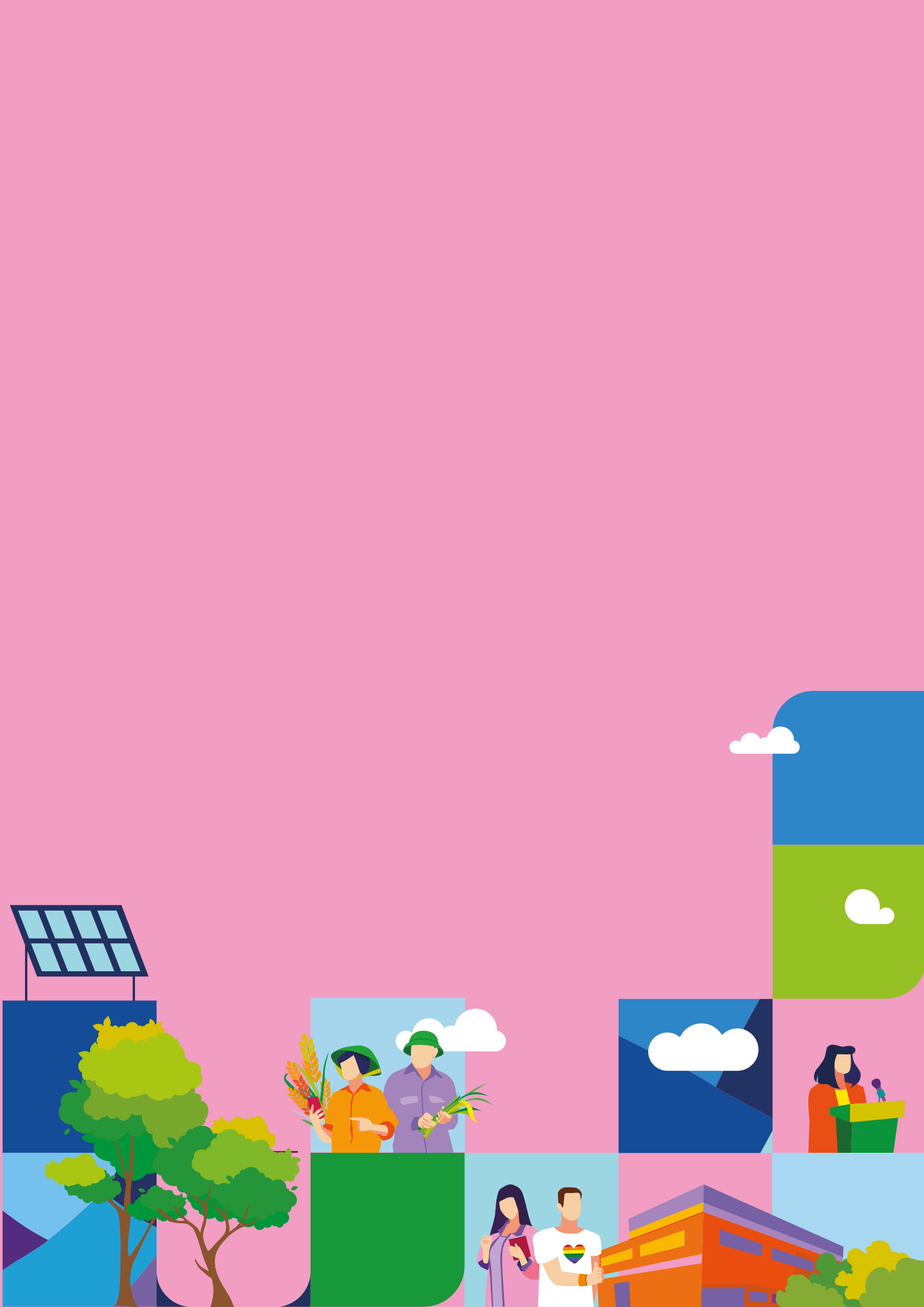


© Ảnh: Nguyễn Đức Hiếu/ Oxfam

4

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ





4.1. Kết luận

Giai đoạn 2020 -2025 đã đánh dấu những bước tiến mới của khu vực các NHTM Việt Nam trong cam kết chính sách Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) nhằm hướng đến đầu tư và kinh doanh có trách nhiệm, đóng góp vào mục tiêu Phát triển bền vững. Nhìn chung, trên hành trình hướng đến bền vững, các cam kết chính sách công khai về ESG của các NHTM ở Việt Nam đã có những bước tiến cải thiện tích cực so với năm 2020 - thời điểm công bố báo cáo lần đầu tiên. Song, so với lần công bố thứ ba vào năm 2024, những bước tiến này đang thể hiện sự thiếu chắc chắn, thiếu tính bút phá, đặc biệt ở yếu tố E và yếu tố G. Do vậy, trong những năm tiếp theo trên hành trình này, các NHTM Việt Nam nên có sự kiên định và nhất quán trong cam kết chính sách để có các tiến bước mạnh mẽ và nhanh hơn.

Những cải thiện không đáng kể về công bố cam kết chính sách ESG vào năm 2025 so với năm 2024 cho thấy hai khả năng:

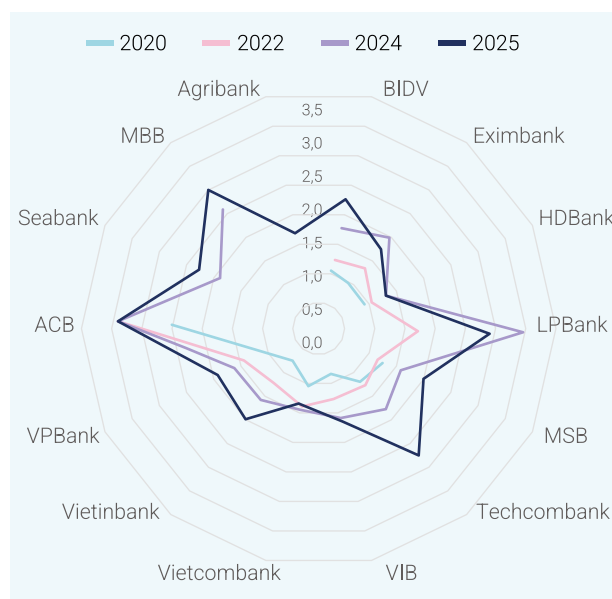
- Khả năng 1:** Thời gian để NHTM cải thiện về công bố cam kết chính sách ESG cần 2 năm thay vì 1 năm. Mức cải thiện về điểm ESG giữa năm 2022 và 2020 là 0,4 điểm, mức cải thiện giữa năm 2024 và 2022 là 0,6 điểm, trong khi đó, mức cải thiện giữa năm 2025 và 2024 là 0,1 điểm.
- Khả năng 2:** Có dấu hiệu chứng lại và thậm chí giảm đi về mặt nội dung của các chủ đề trong việc công bố cam kết chính sách ESG của NHTM. Để xác nhận khả năng này, cần có những báo cáo cập nhật cho những năm tiếp theo và nên được thực hiện hai năm/lần.

Số lượng NHTM công bố nội dung các chủ đề tăng lên nhưng số điểm chưa có nhiều cải thiện cho thấy các khả năng:

- Khả năng 1:** Những thay đổi về các tiêu chí trong từng lần báo cáo làm thay đổi số điểm. Những thay đổi này nhằm cập nhật những tiêu chuẩn quốc tế mới nhất. Đồng thời cũng cho thấy, tiêu chí ESG đang ngày càng chặt chẽ hơn.
- Khả năng 2:** Thông tin công bố chưa được đầy đủ, hoặc thiếu chi tiết, mới ở cấp độ và nội dung tổng quát, chung chung.

Các NHTM đã và đang tích cực và chủ động trong việc công bố các thông tin thuộc phạm vi chính sách vận hành nội bộ của mình. Một số NHTM đã bắt đầu cập nhật chính sách ESG đối với nhà cung cấp trong hoạt động mua sắm. Các cam kết chính sách ESG yêu cầu đối với khách hàng nhận vốn tín dụng và đầu tư nhìn chung vẫn còn rất mờ nhạt ở hầu hết các chủ đề thuộc ba trụ cột E, S và G. Một số ít NHTM mới chỉ

bắt đầu đưa nội dung này vào trong một chủ đề như Quyền lao động, Quyền con người, song các thông tin vẫn còn hạn chế.



Biểu đồ 4.1. Cam kết chính sách ESG của các NHTM Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025

Công bố danh mục loại trừ tín dụng và công bố báo cáo bền vững độc lập cùng với hiện thực hóa cam các cam kết phát hành trái phiếu xanh cho tín dụng bền vững và năng lượng tái tạo cũng như cung cấp các thông tin thuộc các chủ đề ESG nhất quán và cụ thể qua các năm ở một số NHTM là những điểm nhấn quan trọng trong những năm cuối của giai đoạn 2020 – 2025. Các hoạt động này thể hiện tính hệ thống trong công bố thông tin ESG, là cơ sở tốt cho mục tiêu cam kết và thực thi chiến lược ESG của NHTM theo các chuẩn mực báo cáo quốc tế theo Yêu cầu chung đối với công bố thông tin về tính bền vững và về khí hậu (IFRS S1 và S2). Tuy nhiên, để có thể bắt kịp với xu thế và các đòi hỏi ngày càng cao của thị trường hiện tại và các bên liên quan về chính sách ESG, các NHTM Việt Nam vẫn còn rất nhiều việc phải làm để lấp khoảng trống chính sách phù hợp với mục tiêu và định hướng chiến lược riêng của từng NHTM.

Năm 2025 đánh dấu năm thứ tư báo cáo cam kết chính sách ESG được công bố dựa trên phân tích nội dung các chính sách của 14 NHTM theo phương pháp Tài chính Công bằng toàn cầu. Mặc dù điểm đánh giá có tăng so với số liệu được công bố của năm liền kề và giai đoạn trước đó, song dường như mức độ cải thiện chính sách tính trung bình trên cả 14 NHTM bắt đầu có dấu hiệu chứng lại. Khoảng cách điểm cam kết chính sách giữa các NHTM đã có sự thu hẹp dần lại giữa các nhóm. Xu hướng này có

thể sẽ tiếp tục nếu các NHTM không định vị lại chiến lược hoạt động kinh doanh của NHTM gắn với ESG theo hướng gắn cam kết với thực thi và trách nhiệm giải trình mà trong đó, các cam kết chính sách cần phải được cụ thể hóa dựa trên các mục tiêu và cam kết có thể đo lường và tính toán được.

Các NHTM như HDBank, VPBank, MSB, SeABank, ACB và Agribank hiện đang thuộc nhóm có điểm cam kết chính sách ESG cao nhất trong 14 NHTM. Trong đó, Agribank là NHTM nhà nước duy nhất thuộc nhóm này và liên tục có sự cải thiện mạnh mẽ và nỗ lực trong cam kết chính sách ESG trong suốt cả giai đoạn 2020 – 2025. Các NHTM luôn dẫn đầu về điểm đánh giá trong những năm đầu tiên công bố báo cáo như VPBank và HDBank đã không còn duy trì được xu hướng tăng mặc dù vẫn thuộc nhóm dẫn đầu.

Tổng kết một số kết quả trong cam kết chính sách ESG của 14 NHTM trong năm 2025 như sau:

- Cam kết chính sách ESG tổng thể có cải thiện nhưng không đáng kể và bắt đầu có dấu hiệu chững lại.
- Cam kết về yếu tố Xã hội có sự cải thiện nhiều nhất trong năm 2025 so với hai yếu tố còn lại
- Tài chính toàn diện vẫn là chủ đề có cam kết chính sách nhiều nhất trong số 11 chủ đề được đánh giá. Chủ đề Đa dạng sinh học có ít các thông tin công bố phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá nhất.
- Phạm vi áp dụng của các tuyên bố, cam kết, chính sách về ESG đưa ra vẫn chưa bao phủ toàn bộ hoạt động của NHTM. Các cam kết chính sách ESG do NHTM công bố tương tự các lần đánh giá trước đây, chủ yếu mới chỉ tập trung áp dụng trong hoạt động vận hành nội bộ hoặc hoạt động quản lý danh mục cho vay và đầu tư của chính các NHTM. Các chính sách yêu cầu hay khuyến khích các doanh nghiệp nhận đầu tư hay tín dụng của các NHTM về các chủ đề của ESG vẫn còn thiếu vắng và hầu như chưa được công bố bởi các NHTM tham gia phân tích chính sách.

4.2. Khuyến nghị

Trên cơ sở nhìn lại cam kết chính sách ESG của ngành ngân hàng giai đoạn 2020 – 2025 và phân tích chính sách lần thứ tư của 14 NHTM vào năm 2025, các NHTM để tiệm cận hơn với những chuẩn mực trong khu vực, quốc tế và đáp ứng các đòi hỏi ngày càng cao của các bên liên quan, một số khuyến nghị đối với NHTM và với cơ quan nhà nước được đề xuất như sau:

4.2.1. Đối với các Ngân hàng thương mại

1. Công bố những chính sách về ESG áp dụng với khách hàng doanh nghiệp vay vốn trong những ngành rủi ro về Môi trường và Xã hội. Trong ngắn hạn, NHTM lựa chọn một đến ba chủ đề thuộc yếu tố E là thế mạnh của ngân hàng để áp dụng với những doanh nghiệp lớn đang có các hoạt động kinh doanh rủi ro môi trường như nêu ở Thông tư 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của NHNN. Điều này không chỉ giúp NHTM chủ động trong quản lý rủi ro mà còn tạo ra những tác động tích cực về ESG.

Trong dài hạn, NHTM công bố những chính sách về ESG áp dụng với khách hàng doanh nghiệp vay vốn để thúc đẩy việc thực hiện ESG của các doanh nghiệp, từ đó, góp phần thực hiện chính sách ưu đãi lãi suất 2% cho các doanh nghiệp thực hiện dự án xanh, tuần hoàn hoặc đạt tiêu chuẩn ESG.

2. NHTM xây dựng chiến lược công bố thông tin ESG của mình hoặc tích hợp việc công bố thông tin ESG trong chiến lược của ngân hàng để đảm bảo tính Minh bạch và trách nhiệm giải trình với các bên liên quan một cách có hệ thống. Điều này phù hợp trong bối cảnh tiêu chuẩn ESG đang ngày càng chặt chẽ hơn và giúp ngân hàng chủ động thích ứng với những quy định bắt buộc nổi lên trong thời gian gần đây.
3. Tham khảo và lựa chọn phương pháp đánh giá ESG (FFGI là một trong số các phương pháp tham chiếu), từ đó NHTM tiếp tục
 - a. rà soát hiện trạng chính sách về ESG của NHTM bao gồm chính sách vận hành nội bộ; chính sách đầu tư/cho vay của ngân hàng cần nhất quán qua các năm, các chính sách cần cụ thể và có thể đo lường được các mục tiêu cụ thể dựa trên mục tiêu chiến lược riêng của mỗi ngân hàng.
 - b. rà soát thông tin chính sách ESG áp dụng với khách hàng doanh nghiệp nhận tín dụng hoặc nhận đầu tư của NHTM; chính sách

đối với nhà cung cấp và trên cơ sở các cân nhắc phù hợp mục tiêu của ngân hàng, thực hiện công bố thông tin cam kết chính sách thuộc chủ đề là thế mạnh của mỗi NHTM.

4. Công bố và chuẩn hóa báo cáo bền vững: Các NHTM cân nhắc công bố báo cáo bền vững độc lập để tiến tới hoàn thiện về các tiêu chí và mục tiêu bền vững có thể đo lường và lộ trình thực hiện chiến lược cụ thể. Báo cáo bền vững độc lập hoặc tích hợp với báo cáo thường niên của các NHTM nên cân nhắc bổ sung phụ lục với cấu trúc chi tiết hai mảng nội dung thực hiện về: (1) Kết quả các mục tiêu, chiến lược ESG trong vận hành nội bộ đã đạt được, và (2) Kết quả các mục tiêu, chính sách áp dụng tiêu chí ESG trong cung cấp dịch vụ khách hàng, danh mục tín dụng, và đầu tư. Những nội dung báo cáo này nên tương thích hoặc tiệm cận đến các chuẩn mực quốc tế và trong khu vực. Các thông tin đăng tải trên trang mạng (website) của NHTM cần được trình bày một cách có hệ thống và minh bạch và rõ ràng. Trong đó, đẩy mạnh hơn nữa việc công bố những chính sách của mình đối với doanh nghiệp nhận tín dụng, nhận đầu tư về những cam kết ESG. Các NHTM đã công bố báo cáo bền vững độc lập cân nhắc việc yêu cầu xác nhận của bên thứ ba đối với báo cáo bền vững nhằm giúp các NHTM cải tiến cách thức và nội dung báo cáo theo các nguyên tắc và chuẩn mực báo cáo bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế.
5. NHTM rà soát và tái định vị lại các chủ đề ESG ưu tiên đã và đang báo cáo chính sách, bên cạnh việc xây dựng chiến lược, kế hoạch có trọng tâm cụ thể bao gồm những chỉ tiêu, mục tiêu có thể đo đếm được cần và công bố thông tin về quá trình, tiến trình, và kết quả thực hiện đối với các nội dung đã cam kết chính sách. Các yêu cầu công bố phát thải khí nhà kính theo phạm vi 1, 2 và 3 cần được thực hiện theo đúng nội hàm phát thải tài trợ thay vì chỉ đo lường trong hoạt động nội bộ của bản thân NHTM.
6. Hoàn thiện cấu trúc quản trị công ty. Các NHTM chỉ có thể cải thiện ESG khi có chiến lược rõ ràng và hệ thống quản trị công ty được phân cấp và phân quyền chịu trách nhiệm trong mục tiêu bền vững. Do đó, các NHTM cần có một bộ phận/nhân sự chuyên trách chịu trách nhiệm về ESG. Hiện nay, mới chỉ có một số ít NHTM như HDBank và Agribank có bộ phận phụ trách riêng.
7. Trong dài hạn, các NHTM chủ động cập nhật tiêu chuẩn IFRS S1 và S2 trong báo cáo tài chính để có thể kết hợp giữa báo cáo tài chính

với rủi ro tài chính và chiến lược doanh nghiệp trong đó có tính đến cả các nội dung tác động đến dòng tiền và giá trị doanh nghiệp. Trong tiêu chuẩn IFRS S2, đòi hỏi các NHTM bên cạnh việc đo lường phát thải nhà kính trên cả ba phạm vi, trong đó phạm vi 3 quan trọng với các NHTM. Các kích bản khí hậu và mục tiêu khí hậu cần được đo lường và báo cáo chi tiết.

4.2.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ban ngành liên quan

Để các NHTM có thể thực thi hiệu quả các cam kết chính sách ESG đòi hỏi sự hoàn thiện về các hướng dẫn đối với hệ thống văn bản pháp lý để triển khai trong thực tiễn. Vấn đề này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của NHNN và các cơ quan chức năng. Trên cơ sở các kết quả phân tích chính sách và và đòi hỏi từ bối cảnh thực tiễn, nghiên cứu tiếp tục đề xuất một số khuyến nghị:

1. Xây dựng bộ tiêu chuẩn chung về ESG dành cho các NHTM tại Việt Nam dựa trên các tiêu chuẩn, công ước quốc tế và bộ công cụ đánh giá và xếp hạng mức độ cam kết ESG của các NHTM, có thể tham khảo công cụ FFGI, dựa trên bộ tiêu chuẩn chung mà NHNN phát hành.
2. Xây dựng hệ thống các văn bản hướng dẫn chi tiết cụ thể hơn cho phân loại danh mục xanh. Trong đó, cần có thông tư hướng dẫn kỹ thuật và chuẩn hóa quy trình thẩm định đối với các dự án đủ điều kiện xanh.
3. Các NHTM chỉ có thể công bố các yêu cầu cam kết từ phía khách hàng và doanh nghiệp nhận tín dụng và đầu tư khi các doanh nghiệp cũng có các tiêu chuẩn kỹ thuật được hướng dẫn về cách thức xây dựng, tập hợp thông tin, đo lường và báo cáo các thông tin về ESG (chẳng hạn như phát thải nhà kính theo các phạm vi). Do đó, các thông tư hướng dẫn cụ thể cần cập nhật và bổ sung.
4. Cân nhắc sửa đổi thông tư 96/2020/TT-BTC (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 08/2026/TT-BTC) hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, theo đó, nội dung, chủ đề trong báo cáo ESG được mở rộng và có hệ thống để tiệm cận với xu thế quốc tế.





Tài liệu tham khảo

Basel Committee on Banking Supervision. (2024). Disclosure of climate-related financial risks. Bank for International Settlements. <https://www.bis.org/bcbs/publ/d597.pdf>

Brescia, V., Degregori, G., Chmet, F., & Secinaro, S. (2026). Climate-related disclosure in European banking: Stakeholder capitalism between sustainability and financial imperatives. Business Strategy and the Environment, 35(1), 36–56. <https://doi.org/10.1002/bse.70170>

Bùi Thị Thu Loan và cộng sự. (2022). Báo cáo phân tích cam kết chính sách Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) của 11 NHTM Việt Nam năm 2022. <https://vietnam.fairfinanceasia.org/wp-content/uploads/sites/10/2023/12/23T11-Oxfarm-ESG-Report-ENG-Online-01-4-1.pdf>

Bùi Thị Thu Loan và cộng sự. (2024). Báo cáo phân tích cam kết chính sách Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) của 13 NHTM Việt Nam năm 2024. <https://vietnam.oxfam.org/latest/publications/report-new-progress-towards-sustainability>

Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 về phát triển kinh tế tư nhân. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-119250505101309949.htm>

Bộ Tài chính. (2020). Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. <https://vbpl.vn/botaichinh/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=146048>

Darnall, N., Ji, H., Iwata, K., & Arimura, T. H. (2022). Do ESG reporting guidelines and verifications enhance firms' information disclosure? Corporate Social Responsibility and Environmental Management, 29(5), 1214–1230. <https://doi.org/10.1002/csr.2266>

EFRAG. (2024). EFRAG IG 2: Value Chain Implementation Guidance. https://www.efrag.org/sites/default/files/sites/webpublishing/SiteAssets/EFRAG%20IG%202%20Value%20Chain_final.pdf

European Parliament, & Council of the European Union. (2022). Directive (EU) 2022/2464 of the European Parliament and of the Council of 14 December 2022 amending Regulation (EU) No 537/2014, Directive 2004/109/EC, Directive 2006/43/EC and Directive 2013/34/EU, as regards corporate sustainability reporting. Official Journal of the European Union, L 322/15. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32022L2464>

Fair Finance Philippines. (2019). Fair Finance Philippines bank policy assessment 2020: Assessing the quality of Philippine banks' lending and underwriting policies. <https://fairfinanceasia.org/>

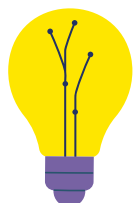
Fair Finance Thailand. (2020). Assessment report on the ESG policy commitments of Thai banks. <https://fairfinanceasia.org/>

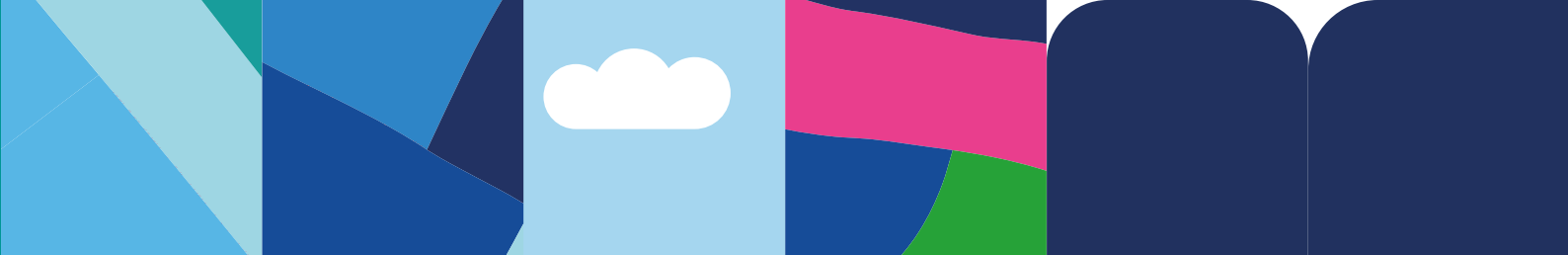
Forbes. (2020, December 22). The Acceleration of ESG investing in a post-pandemic market. <https://www.forbes.com/sites/garydrenik/2020/12/22/the-acceleration-of-esg-investing-in-a-post-pandemic-market/>

Gerber, M., et al. (2021). ESG key trends in 2020 and expectations for 2021. Skadden Publication. <https://www.skadden.com/insights/publications/2021/02/esg-key-trends-in-2020-and-expectations-2021>

Hoàng Trang và cộng sự. (2022). Báo cáo phân tích cam kết chính sách Môi trường - xã hội - Quản trị (ESG) của 10 NHTM Việt Nam năm 2020. <https://vietnam.oxfam.org/latest/publications/report-towards-sustainable-development-assessment-esg-commitments>

Ngân hàng Nhà nước. (2022). Thông tư số 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. <https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/thong-tu-so-17-2022-tt-nhnn-38402.htm>





Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. (2024a). Báo cáo thường niên, Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. <https://www.agribank.com.vn/wcm/connect/1c602381-62d0-48a6-990a-ba14a078b603/BCTN2024+Agribank+V+version+S.pdf?MOD=AJPERES&CONVERTO=url&CACHEID=ROOTWORKSPACE-1c602381-62d0-48a6-990a-ba14a078b603-pror097>

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. (2024b). Danh mục loại trừ tín dụng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. <https://www.agribank.com.vn/wcm/connect/5c3fd275-4a37-4c2f-aea7c7ae119b4723/2525+DS+NGANH+NGHE+LOAI+TRU+H%E1%BA%A0N+CHE.pdf?MOD=AJPERES&CVID=pvK80-x>

Ngân hàng TMCP Hàng Hải. (2024). Báo cáo phát triển bền vững, Ngân hàng TMCP Hàng Hải (2024). https://www.msb.com.vn/documents/20121/8097933/MSB-BCPTBV2024_VN_web.pdf/3ba2f051-5f43-8ef5-5e74-9740e909a70e?t=1758615315186

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. (2024). Báo cáo phát triển bền vững, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. <https://techcombank.com/content/dam/techcombank/public-site/img-phat-trien-ben-vung-rules/SR-V2-compressed-vi.pdf>

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. (2024). Báo cáo phát triển bền vững NHTMCP ngoại thương Việt Nam (2024). <https://portal.vietcombank.com.vn/VCBDigital/2024/BCPTBV/vi/>

Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh. (2024). Báo cáo phát triển bền vững, NHTMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (2024). <https://cdn.hdbank.com.vn/hdbank/bcptbv/2024/index.html>

Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh. (2024). Báo cáo thường niên, NHTMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (2024). <https://cdn.hdbank.com.vn/hdbank/bctn/2024-6-17/index.html>

Ngân hàng TMCP SeABank. (2024). Báo cáo phát triển bền vững Ngân hàng SeABank (2024). <https://www.seabank.com.vn/nha-dau-tu/bao-cao-thuong-nien/bao-cao-phat-trien-ben-vung-2024>

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. (2024). Báo cáo phát triển bền vững Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2024). <https://www.vpbank.com.vn/-/media/vpbank-latest/5nha-dau-tu/bao-cao-phat-trien-ben-vung/2024/bao-cao-phat-trien-ben-vung-2024.pdf>

Ngân hàng TMCP Á Châu. (2024). Báo cáo phát triển bền vững Ngân hàng TMCP Á Châu (2024). https://acb.com.vn/acbwebsite/files/ESG_2024.pdf

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. (2024). Báo cáo phát triển bền vững NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (2024). <https://bidv.com.vn/bidv/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-va-tai-lieu/baocaothuongnien/2025/bcptbv2024>

Thủ tướng Chính phủ. (2024). Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg danh mục lĩnh vực phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyết-dinh-13-2024-QĐ-TTg-danh-muc-linh-vuc-phat-thai-khi-nha-kinh-phai-thuc-hien-kiem-ke-khi-nha-kinh-583966.aspx>

Thủ tướng Chính phủ. (2025). Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg về việc Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2025/7/21-ttg.signed.pdf>

U.S. Securities and Exchange Commission. (2024, March 6). SEC adopts rules to enhance and standardize climate-related disclosures for investors. <https://www.sec.gov/newsroom/press-releases/2024-31>

UK Government. (2021, October 29). UK to enshrine mandatory climate disclosures for largest companies in law. <https://www.gov.uk/government/news/uk-to-enshrine-mandatory-climate-disclosures-for-largest-companies-in-law>



FairFinance
Vietnam

Sáng kiến Tài chính Công bằng Việt Nam (FFV) được thực hiện thông qua những hoạt động của các tổ chức khác nhau trong lĩnh vực giáo dục và làm việc cùng các cộng đồng nhằm hướng đến phát triển bền vững. Sáng kiến này góp phần cung cấp thông tin, kiến thức và thúc đẩy các ngân hàng thương mại Việt Nam và các bên liên quan hoạch định và thực thi chính sách về ESG, phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

<https://vietnam.fairfinanceasia.org/>

